

Số: 512/2025/CV-PGB

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

- Mã chứng khoán: PGB

- Địa chỉ: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Mípec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 62811298

Fax: 024 62811298

- E-mail: vphdqt.pgbank@pgbank.com.vn

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh Thắng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) công bố thông tin về việc ban hành Báo cáo thường niên năm 2024 (Nội dung chi tiết theo file đính kèm).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/4/2025 tại đường dẫn: <https://www.pgbank.com.vn/nha-dau-tu/cong-bo>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2024

NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Mạnh Thắng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2024



Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

MỤC LỤC



Báo cáo thường niên 2024 Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

—	I. Thông tin chung về ngân hàng	—	IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng
01	Thông tin khái quát	51	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng
07	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	52	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
09	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	53	Kế hoạch kinh doanh năm 2025
23	Định hướng phát triển	—	V. Quản trị Ngân hàng
26	Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu của PGBank	55	Hội đồng Quản trị
—	II. Tình hình hoạt động trong năm	59	Ban kiểm soát
29	Hoạt động kinh doanh	—	VI. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
39	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	—	VII. Báo cáo tài chính
—	III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	63	Ý kiến kiểm toán
45	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	63	Báo cáo tài chính được kiểm toán (Bản scan đính kèm)
47	Tình hình tài chính		
49	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý		
49	Kế hoạch phát triển trong tương lai		
50	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán		



THÔNG DIỆP

của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính gửi
Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng,

Năm 2024, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước đối mặt với nhiều thách thức, các xu hướng công nghệ đột phá xuất hiện mang lại ảnh hưởng sâu rộng, thay đổi cách làm việc và tương tác trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực, Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) đã không ngừng nỗ lực để duy trì sự ổn định, phát triển bền vững và tạo ra giá trị lâu dài cho cổ đông, đối tác và khách hàng.

Chúng tôi tự hào về những thành tựu đã đạt được trong năm qua, từ việc tăng trưởng ổn định về tài sản và lợi nhuận, nâng cao năng lực quản trị, cải tiến công nghệ, đến việc mở rộng mạng lưới và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng cao. Những kết quả này không chỉ phản ánh sự cam kết của chúng tôi đối với sứ mệnh phục vụ khách hàng mà còn khẳng định vị thế của PGBank trên thị trường tài chính Việt Nam.

Trong giai đoạn tới, chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển bền vững, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, quản trị dựa trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh và minh bạch, tiếp tục củng cố hạ tầng công nghệ, chủ động ứng dụng có chọn lọc các công nghệ mới vào hoạt động ngân hàng để mang đến những sản phẩm tài chính ưu việt, nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Với sứ mệnh "luôn cùng bạn thành công", PGBank cam kết xây dựng mối quan hệ bền vững dựa trên sự tin tưởng và đồng hành lâu dài với đối tác và khách hàng. Thành công của Quý vị chính là động lực và niềm tự hào lớn nhất của chúng tôi.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng vì sự ủng hộ, đồng hành, và niềm tin đối với PGBank trong năm qua và mong tiếp tục nhận được sự tin nhiệm của Quý vị trong thời gian tới. Chúng tôi cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để mang lại những giá trị tốt đẹp nhất cho tất cả các Quý vị.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị PGBank



Phạm Mạnh Thắng



PGBank



Thông tin chung về ngân hàng





Thông tin khái quát

Tên đầy đủ : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

Tên tiếng Anh : PROSPERITY AND GROWTH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên viết tắt : PGBank

Tên giao dịch : Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

Giấy phép thành lập : Số 42/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/06/2021

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

1400116233 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 02 – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 21/12/2023

Vốn điều lệ : 4.200.000.000.000 đồng

Hội sở chính

Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhà Mipec
Số 229 Tây Sơn, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Website : www.pgbank.com.vn **Email** : dvkh@pgbank.com.vn

Điện thoại : (+84) 24 6281 1298 **Fax** : (+84) 24 6281 1299

Mã số thuế : 1400116233 **Mã SWIFT** : PGBLNVX

Mã cổ phiếu : PGB

Quá trình hình thành và phát triển



1993

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười, chính thức hoạt động theo giấy phép số 0045/NH-GP ngày 13/11/1993. Sau khi Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tham gia góp vốn vào Ngân hàng và trở thành cổ đông lớn, Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười đổi tên thành “Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex”, có tên viết tắt là “PG Bank” theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN ngày 08/02/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



CHÀO MỪNG SỰ KIỆN
RA MẮT NHẬN DIỆN
THƯƠNG HIỆU MỚI
& KỶ NIỆM 30 NĂM
THÀNH LẬP PG BANK

28.12.2023
TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC GIA
NAM TÚ LIÊM, HÀ NỘI

2023

Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/07/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Petrolimex đã hoàn tất thủ tục thoái vốn tại PG Bank và chính thức không còn là Cổ đông lớn kể từ ngày 31/08/2023.

Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước tại Quyết định số 2346/QĐ-NHNN ngày 19/12/2023, PG Bank chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Thịnh vượng và Phát triển (tên viết tắt PGBank) cùng với nhận diện thương hiệu mới.



Các sự kiện chính trong năm 2024

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông



Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Ngày 20/04/2024, PGBank tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để thông qua một số nội dung chính như: Báo cáo tài chính kiểm toán và trích lập các quỹ, phân chia lợi nhuận năm 2023; Quyết toán mức thù lao, lương, thưởng, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và

Thông qua mức thù lao, thưởng, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024; Kế hoạch tài chính năm 2024; Điều lệ và các Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS; Điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ.



Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024



Sáng ngày 26/8/2024, tại Hà Nội, Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 với sự tham dự của đông đảo cổ đông. Tại đại hội, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua 2 nội dung chính:

Thứ nhất

Bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT độc lập là ông Đào Quốc Tính và bà Cao Thị Thúy Nga để phù hợp với quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, tăng cường tính minh bạch, khách quan trong quản trị ngân hàng.

Bầu bổ sung **02** Thành viên HĐQT

Thứ hai

Thông qua Tờ trình về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của PGBank. Theo đó, trụ sở sẽ được chuyển về tòa nhà 79 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Từ nhu cầu mở rộng không gian làm việc và đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, khang trang, trụ sở mới hứa hẹn sẽ góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu, đồng thời tạo môi trường làm việc thoải mái, chuyên nghiệp cho cán bộ nhân viên.

Mở rộng mạng lưới

Trong năm 2024, PGBank đã triển khai mở rộng mạng lưới Chi nhánh, Phòng Giao dịch tại nhiều địa phương trên cả nước, cụ thể: hoàn thiện thủ tục xin Ngân hàng Nhà Nước chấp thuận về việc thành lập các chi nhánh Thái Nguyên, Nghệ An, Thanh Hóa, Đồng Anh, Ninh Bình. Đồng thời, thông qua việc sửa chữa, chuyển địa điểm đặt trụ sở của các chi nhánh, phòng giao dịch PGBank tại các vị trí thuận lợi, mặt bằng lớn, tạo nhận diện thương hiệu hình ảnh chuyên nghiệp, hiện đại đối với khách hàng và các đối tác.



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

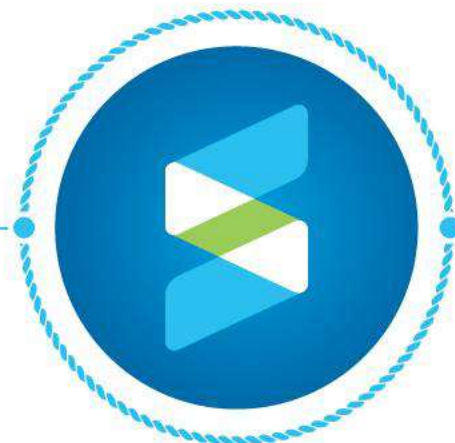
Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

- Cho vay
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác
- Bảo lãnh ngân hàng
- Phát hành thẻ tín dụng
- Bao thanh toán trong nước.

- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

- Cung ứng phương tiện thanh toán
- Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.



- **Mở tài khoản:** tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ.



- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung), Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- Mua nợ.

Địa bàn kinh doanh

Tính đến hết năm 2024, PGBank có

01 TRỤ SỞ CHÍNH

23 CHI NHÁNH

68 PHÒNG GIAO DỊCH

19 TỈNH, THÀNH PHỐ



Tổng số Chi nhánh và Phòng giao dịch sau khi mở mới sẽ là 91 điểm bao gồm 23 Chi nhánh và 68 Phòng giao dịch trải dài trên 19 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

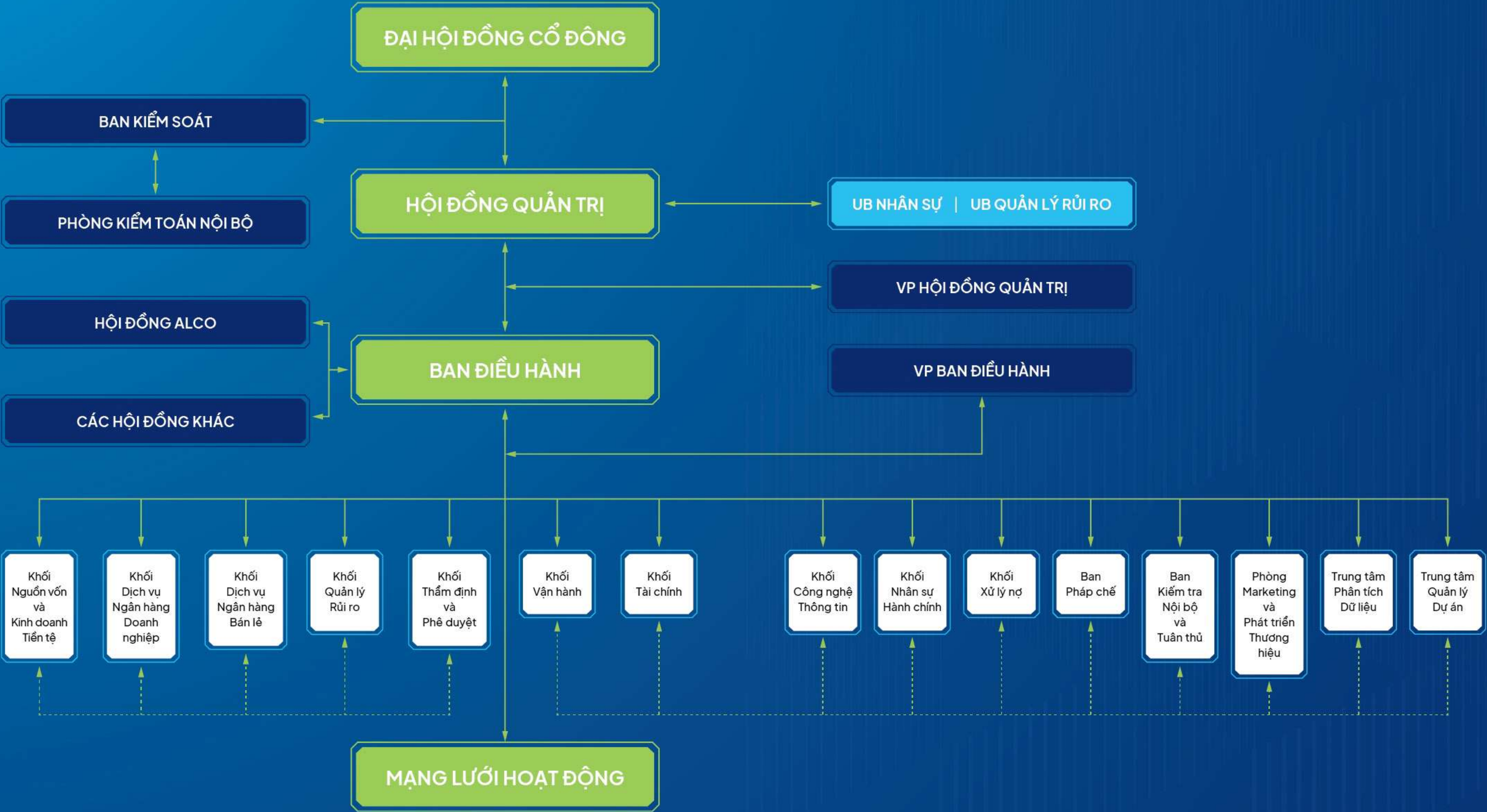
Hiện tại PGBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý với gần 200 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên toàn thế giới, trong đó PG Bank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu tại từng quốc gia và vùng lãnh thổ.

Tại Việt Nam, PGBank có quan hệ với tất cả các định chế tài chính trong nước bao gồm: Ngân hàng Thương mại Nhà Nước, Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các công ty tài chính và các định chế tài chính khác.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

GHI CHÚ

- ↕ Quan hệ điều hành, quản lý trực tiếp từ trên xuống và thông tin phản hồi từ cấp dưới lên.
- Quan hệ điều hành, quản lý gián tiếp từ trên xuống và thông tin phản hồi từ cấp dưới lên.



Hội đồng quản trị



Ông PHẠM MẠNH THẮNG

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Phạm Mạnh Thắng là Tiến sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng. Ông Phạm Mạnh Thắng đã từng công tác tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Giám đốc chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tháng 09/2023, Ông Phạm Mạnh Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của PGBank. Ngày 23/10/2023, Ông Phạm Mạnh Thắng thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và chính thức được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị PGBank.



Ông ĐÀO PHONG TRÚC ĐẠI

Phó Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Đào Phong Trúc Đại là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học California, Miramar, Hoa Kỳ. Ông Đại có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị doanh nghiệp. Trước đây, Ông Đào Phong Trúc Đại là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Ngày 23/10/2023, Ông Đào Phong Trúc Đại chính thức được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT PGBank.



Ông VƯƠNG PHÚC CHÍNH

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Vương Phúc Chính là Cử nhân Tài chính Kế toán - Học viện Tài chính, Hà Nội. Ông Vương Phúc Chính có 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đã từng đảm nhiệm vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Tháng 09/2023, Ông Vương Phúc Chính gia nhập PGBank và giữ vị trí Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ. Ngày 23/10/2023, Ông Vương Phúc Chính chính thức được bầu làm Thành viên HĐQT PGBank.



Ông ĐÌNH THÀNH NGHIỆP

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
Số lượng Cổ phiếu : 3.076.380

Ông Đình Thành Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị. Ông Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PGBank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, từ năm 2005 đến nay, Ông Nghiệp đảm nhiệm vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PGBank. Với nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý, Ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt PGBank đi qua những năm tháng đầu đầy khó khăn để có được những thành công như hiện nay.

Ban Điều Hành



Ông ĐÀO QUỐC TÍNH

Thành viên HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Đào Quốc Tính là Tiến sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng, ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như Phó vụ trưởng phụ trách Kiểm toán nội bộ - Vụ Tổng kiểm soát, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc trung tâm phòng chống rửa tiền, Phó chánh thanh tra giám sát Ngân hàng. Từ tháng 05/2015 đến tháng 06/2023, ông làm thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Ngày 26/8/2024, ông Đào Quốc Tính chính thức được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT PGBank.



Bà CAO THỊ THÚY NGÀ

Thành viên HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
Số lượng Cổ phiếu : 0

Bà Cao Thị Thúy Nga là Thạc sĩ Tài chính Tiền tệ - Học viện Tài chính, bà đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại nhiều tổ chức tín dụng như Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Liên doanh VID Public Bank; Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội; Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB. Ngày 26/8/2024, bà Cao Thị Thúy Nga chính thức được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT PGBank.



Ông NGUYỄN VĂN HƯƠNG

Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Nguyễn Văn Hương có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đầu tư, và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Trong sự nghiệp của mình, ông đã đảm nhiệm nhiều vị trí từ cán bộ tín dụng, lên cấp quản lý khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân, cũng như các kênh bán hàng quan trọng tại các ngân hàng quốc doanh và cổ phần lớn như Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank) và gần đây nhất ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc, Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). Ông chính thức được bổ nhiệm Tổng Giám đốc PGBank từ ngày 07/12/2024.



Ông TRẦN VĂN LUÂN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Trần Văn Luân có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đã gắn bó với PGBank từ năm 2007 đến hiện tại. Ông tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán tại Học viện Tài chính. Ông Luân đã trải qua quá trình dài công tác từ nhân viên đến các vị trí lãnh đạo ở các đơn vị khác nhau tại PGBank như: phòng Quản lý rủi ro và Tái thẩm định, Phòng Khách hàng Doanh nghiệp... Từ tháng 01/2023 - tháng 3/2024, Ông Luân đảm nhận vị trí Giám đốc Chi nhánh Đông Đô kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội. Ngày 12/3/2024, Ông chính thức được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của PGBank.



Ông NGUYỄN TRỌNG CHIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng của Học viện Tài chính, Ông Nguyễn Trọng Chiến có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông đã từng đảm nhận các vị trí lãnh đạo quan trọng tại các tổ chức tài chính hàng đầu như: Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei; Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội; Ngân hàng TMCP Quân đội. Ông Chiến được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PGBank kể từ ngày 12/3/2024.



Ông LÊ VĂN PHÚ

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Lê Văn Phú đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông là cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính Tín dụng từ Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội. Tại PGBank, ông đã từng đảm nhận các vị trí quan trọng như Phó Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp và Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh. Trước khi được bổ nhiệm chức Phó Tổng Giám đốc của PGBank, ông Phú giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hải Dương. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PGBank kể từ ngày 12/3/2024.



Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ

Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Bà Nguyễn Thị Thu Hà tốt nghiệp Cử nhân kinh tế. Với hơn 26 năm làm trong lĩnh vực Ngân hàng, Bà Hà đã trải qua các vị trí: Phó phòng phụ trách Phòng tài chính kế toán - BIDV Cầu Giấy, Trưởng phòng Kế toán Tài chính - Khối Tài chính PGBank.

Từ tháng 08/2016 đến nay Bà Nguyễn Thị Thu Hà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm kế toán trưởng của PGBank.

Ban Kiểm soát



Ông TRẦN NGỌC DŨNG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Trần Ngọc Dũng là Cử nhân Trường Đại học Kinh tế TP HCM và Trường Đại học Luật TP HCM. Ông Trần Ngọc Dũng có 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Tháng 04/2023, Ông gia nhập PGBank với vai trò Trợ lý Tổng Giám Đốc và được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ PGBank từ tháng 07/2023. Ngày 23/10/2023, Ông Trần Ngọc Dũng chính thức được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát PGsBank



Ông TRỊNH MẠNH HOÁN

Thành Viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

Ông Trịnh Mạnh Hoán - tốt nghiệp Cử nhân Ngân sách - Trường Đại học Tài chính Kế toán. Ông Trịnh Mạnh Hoán đã có trên 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán. Ông đảm nhận chức vụ Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành I tại Kiểm toán Nhà nước và nghỉ hưu từ tháng 03/2017. Ngày 23/10/2023, Ông Trịnh Mạnh Hoán được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách PGBank.



Bà HẠ HỒNG MAI

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Số lượng Cổ phiếu : 0

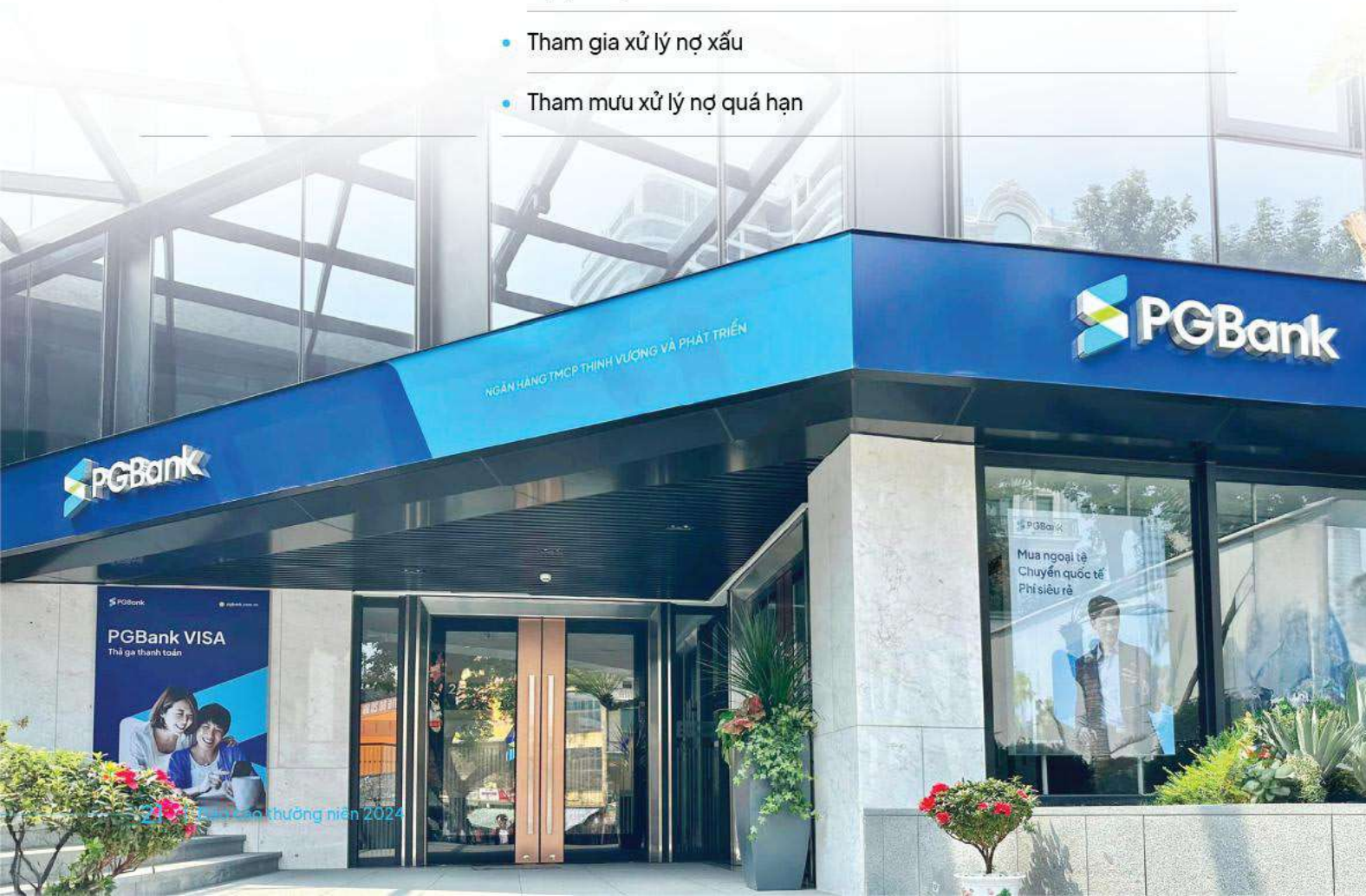
Bà Hạ Hồng Mai tốt nghiệp Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Mai đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng với nhiều vị trí công tại các Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Thịnh vượng và Phát triển (trước đây là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex). Trước khi là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát vào tháng 10/2019, Bà Mai là Trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng PGBank.



STT	Tên đơn vị	Chức năng
1	Văn phòng HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng lãnh đạo, quản trị các mặt hoạt động của PGBank Là đầu mối trao đổi thông tin và tổng hợp công việc giữa HĐQT với các cổ đông
2	Văn phòng Ban Điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành thông qua công tác trợ lý, thư ký và công tác đối nội, đối ngoại; Tổ chức thực hiện công tác văn thư lưu trữ tại Hội sở chính
3	Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý tập trung nguồn vốn, trạng thái ngoại tệ, thanh khoản, quản lý và kinh doanh vốn, ngoại tệ, dịch vụ phái sinh hàng hóa; Thiết lập và phát triển quan hệ với tổ chức tín dụng và các định chế tài chính nước ngoài khác
4	Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp	Điều hành quản lý kinh doanh trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp và lĩnh vực đầu tư tài chính
5	Khối Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý, điều hành và phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ đối với phân khúc khách hàng bán lẻ Xây dựng kế hoạch, đề xuất thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động mạng lưới Đầu mối cung cấp thông tin, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng (đối với tất cả các phân khúc khách hàng) Quản lý, điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ của toàn ngân hàng

STT	Tên đơn vị	Chức năng
6	Khối Quản lý Rủi ro	Quản lý, giám sát, kiểm soát các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng (bao gồm: Rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro tập trung, rủi ro hoạt động và các rủi ro trọng yếu khác)
7	Khối Thẩm định và Phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý, điều hành về phê duyệt tín dụng, tái thẩm định; Thực hiện chức năng phê duyệt tín dụng theo phân cấp; Quản lý, vận hành và xây dựng chính sách, cải tiến các quy trình của ngân hàng trong nghiệp vụ định giá tài sản (không bao gồm các chức năng liên quan đến định giá tài sản bảo đảm do Khối Quản lý rủi ro thực hiện)
8	Khối Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong điều hành, quản lý hoạt động tài chính – kế toán trên toàn hệ thống: Tổ chức thực hiện nghiệp vụ kế toán, cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định; Kiểm soát, giám sát chi tiêu, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách của Ngân hàng; Đầu mối tổng hợp kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng. Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm; Giám sát tình hình khắc phục thực hiện khuyến nghị của kiểm toán độc lập và cơ quan chức năng về nghiệp vụ kế toán; Quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện hạch toán kế toán, giám sát và đánh giá nghiệp vụ tài chính kế toán trên toàn hệ thống, đảm bảo tuân thủ quy định, an toàn hoạt động; Thực hiện lập báo cáo tài chính; đo lường, phân tích, dự báo, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; Đầu mối làm việc với kiểm toán độc lập và cơ quan Thuế

STT	Tên đơn vị	Chức năng
9	Khối Vận hành	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý, vận hành và xây dựng chính sách, cải tiến các quy trình tác nghiệp của Ngân hàng Xây dựng, hướng dẫn chính sách và đào tạo, kiểm tra về nghiệp vụ kế toán giao dịch; Phát triển và quản lý mạng lưới các địa điểm hoạt động, kinh doanh và công trình xây dựng của Ngân hàng (ngoại trừ chức năng liên quan đến phát triển mạng lưới do Khối Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ thực hiện) Quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề.
10	Khối Công nghệ Thông tin	Quản lý, điều hành trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo vào xử lý tài nguyên thông tin, xây dựng Ngân hàng số, hiện đại hóa công nghệ hoạt động kinh doanh
11	Khối Nhân sự Hành chính	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý điều hành, hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách về nhân sự, lao động, tiền lương và đào tạo; Tổ chức bộ máy, quản trị nguồn nhân lực của PGBank; Quản lý, thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ trên toàn hệ thống; Quản lý, vận hành trong công tác hành chính quản trị, quản lý hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong toàn hệ thống.
12	Khối Xử lý nợ	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý, theo dõi, hướng dẫn, đốc thúc và giám sát công tác thu hồi nợ quá hạn Tham gia xử lý nợ xấu Tham mưu xử lý nợ quá hạn



STT	Tên đơn vị	Chức năng
13	Ban Pháp chế	Tư vấn pháp lý, quản lý rủi ro pháp lý, quản lý và thẩm định văn bản nội bộ, tư vấn xử lý tranh chấp
24	Phòng Marketing và Phát triển thương hiệu	Quảng bá và quản lý thương hiệu, hình ảnh của Ngân hàng; Tổ chức sự kiện; Truyền thông và quan hệ công chúng
15	Trung tâm Phân tích và Dữ liệu	Xây dựng và triển khai toàn bộ nền tảng phân tích và dữ liệu của Ngân hàng
16	Trung tâm Quản lý dự án	Thống nhất điều hành trong quản lý các nguồn lực chung đối với các dự án thực hiện tại Ngân hàng
17	Ban Kiểm tra nội bộ và Tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng, triển khai, giám sát tuân thủ và thực hiện kiểm tra nội bộ việc tuân thủ Trực tiếp Điều tra và phòng chống gian lận, đề xuất các biện pháp xử lý và theo dõi, giám sát việc khắc phục Giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng và tội phạm, phòng chống rửa tiền & tài trợ khủng bố; Làm việc với các cơ quan quản lý, trực tiếp/phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát của các cơ quan quản lý (Thanh tra Giám sát, Kiểm toán Nhà nước...).

Định hướng phát triển

Sứ mệnh

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, minh bạch và chuẩn mực, với cam kết mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và xã hội.

Tầm nhìn

Đồng hành cùng khách hàng để thành công và tầm nhìn thống nhất về một tương lai Thịnh vượng và Phát triển.

Các mục tiêu chủ yếu

THỨ NHẤT

PGBank tập trung phát triển các sản phẩm mang tính chuyên biệt hóa cao, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng, cho dù đó là nhu cầu tài chính cá nhân, tăng trưởng kinh doanh hay giải pháp ngân hàng sáng tạo. Mỗi sản phẩm của PGBank là sự kết hợp giữa hiểu biết sâu sắc về khách hàng và áp dụng linh hoạt công nghệ hiện đại, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

PGBank đặt mục tiêu ứng dụng công nghệ để nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả kinh doanh và trải nghiệm khách hàng. Quá trình chuyển đổi số tại PGBank tập trung vào việc tạo ra những trải nghiệm ngân hàng liền mạch, an toàn và phù hợp với từng nhu cầu riêng biệt. Chúng tôi cam kết thu hẹp khoảng cách giữa ngân hàng truyền thống và công nghệ số, đảm bảo phục vụ được khách hàng nhanh nhất và tốt nhất, để chúng tôi có thể luôn song hành cùng khách hàng trong hành trình hướng tới thành công.

Tại PGBank chúng tôi tin vào phương châm Nhân viên hạnh phúc – Khách hàng hài lòng. Một đội ngũ nhân viên hạnh phúc sẽ mang đến dịch vụ xuất sắc và sự hài lòng cho khách hàng, làm tiền đề để PGBank phát triển bền vững. Chính vì vậy, chúng tôi chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực với cơ hội phát triển nghề nghiệp công bằng và chăm sóc tốt cho nhân viên.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong năm 2025, NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống các TCTD khoảng 16%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, đổi mới cơ chế điều hành mức tăng trưởng tín dụng. Trong bối cảnh dự báo

nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn, thách thức và theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, HĐQT đã định hướng mục tiêu hoạt động trong đó xác định năm 2025 là năm “Xây dựng nền tảng” cho thực hiện chiến lược phát triển PGBank giai đoạn 2025 – 2030 tập trung vào những chỉ tiêu quan trọng sau:

(i) Nâng cao năng lực tài chính

Tăng vốn điều lệ từ 5.000 tỷ năm 2025 lên dự kiến 15.000 tỷ vào năm 2030 nhằm củng cố và nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng tiêu chuẩn Basel III và nhu cầu về mở rộng phát triển quy mô hoạt động kinh doanh.

(ii) Hoạt động kinh doanh

Tăng trưởng tín dụng hàng năm từ 15-18% tập trung vào bán lẻ, doanh nghiệp vừa và nhỏ và chuỗi cung ứng.

Quyết liệt trong công tác xử lý và thu hồi nợ có vấn đề, đảm bảo hoàn thành mục tiêu xử lý nợ xấu theo đúng kế hoạch và lộ trình tại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu tại PGBank giai đoạn 2021-2025. Mục tiêu duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.

Tiếp tục hướng đến mục tiêu trở thành ngân hàng hàng đầu về tài chính xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh mô hình kinh doanh đa dịch vụ, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán.

(iii) Công nghệ

Chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động ngân hàng, áp dụng công nghệ trong mọi hoạt động của ngân hàng, mục tiêu giảm 50% giao dịch tại quầy, nâng cao trải nghiệm khách hàng trên các kênh số.

(iv) Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

Nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ, giám sát quy trình và kiểm toán hệ thống.

Phát triển bền vững, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, hoàn thiện các công cụ quản lý rủi ro tuân thủ theo quy định của NHNN và tiệm cận dần với các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động quản trị rủi ro.

(v) Nguồn nhân lực

Kiến toàn cơ cấu tổ chức, đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp và đạt hiệu quả cao, phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn toàn diện.

Quản lý tối ưu chi phí nhân sự, năng suất lao động, tạo môi trường làm việc văn minh, công bằng, nhân văn để người lao động hoàn toàn yên tâm làm việc, cống hiến vì sự phát triển của PGBank.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm đã trở thành mục tiêu của nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam cũng không nằm ngoài quỹ đạo chung đó. Sớm nhận thức được yêu cầu cấp bách, PGBank lựa chọn chiến lược phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm làm mô hình phát triển tổ chức là một đòi hỏi tất yếu khách quan và coi đây là nội dung, yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển:

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu... phát triển tổ chức một cách bền vững, sáng tạo.

- Nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ nhân viên về phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm của Việt Nam.

- Với quan điểm, “Con người là trung tâm của sự phát triển, phát triển vì con người, do con người”, PGBank nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới căn bản, toàn diện và đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm; chú trọng nguồn nhân lực công nghệ kỹ thuật số chất lượng cao; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ quản lý cấp cao, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó và thích nghi có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng và chống dịch bệnh.



Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu của PGBank

Các rủi ro từ môi trường bên ngoài

Bối cảnh kinh tế

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm: căng thẳng địa chính trị, xu hướng tăng lãi suất ở các nền kinh tế lớn, tăng trưởng chậm lại của các đối tác thương mại quan trọng và tác động từ thiên nhiên. Tuy vậy, Việt Nam đạt được kết quả tăng trưởng kinh tế rất đáng trân trọng. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09% (vượt mục tiêu Quốc hội đặt ra từ 6,5-7%) và vượt xa con số 5,05% năm 2023. Tuy nhiên, năm 2024 cũng chứng kiến sự suy giảm khá nghiêm trọng của

các động lực tăng trưởng trong các chỉ số: (i) Chỉ số quản trị mua hàng; (ii) Hoạt động doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, tỷ lệ doanh nghiệp rút lui so với doanh nghiệp gia nhập thị trường vẫn ở xu hướng cao; (iii) Tiêu dùng trong nước và giải ngân đầu tư công chưa đạt được như kỳ vọng; (iv) Thị trường BĐS vẫn còn trầm lắng. Sự suy giảm này có thể gây ra áp lực đối với nhu cầu vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động cấp tín dụng cấp tín dụng.





Lãi suất

Năm 2024, lãi suất cho vay bình quân giảm 0,96% so với cuối năm 2023, sau khi đã hạ khoảng 2,5% trong năm 2023. Lãi suất cho vay bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại đối với các khoản vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,7-9,0%/năm. Điều này có thể tạo ra cơ hội mới cho PGBank trong việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ vay vốn với lãi suất cạnh tranh, đồng thời đặt ra thách thức trong việc duy trì biên lợi nhuận và quản lý rủi ro tín dụng.

Môi trường và xã hội

Từng bước tăng tỷ trọng vốn tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh cần ưu tiên hỗ trợ trong Danh mục dự án xanh do Ngân hàng Nhà nước ban hành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng thói quen thân thiện với môi trường cho khách hàng, phát triển kênh giao dịch điện tử, các dịch vụ, phương thức thanh toán mới trên nền tảng công nghệ. Xây dựng quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; Đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, kết hợp đánh giá rủi ro môi trường như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng. Qua những hành động và chương trình đặt ra, PGbank thể hiện sự cam kết vững chắc của mình đối với mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường xã hội.

Công nghệ

Dữ liệu chưa được lưu trữ tập trung, hệ thống công nghệ còn hạn chế cùng với việc nhập liệu, quản lý thông tin trên hệ thống chưa được triển khai đồng bộ dẫn đến khó khăn trong việc khai thác, tổng hợp và phân tích dữ liệu. Hiện các Tổ chức tín dụng quy mô lớn, có năng lực tài chính đã phát triển và áp dụng công nghệ sâu và rộng trong hoạt động. Do đó, PGBank cần liên tục đầu tư vào nâng cấp hệ thống công nghệ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng đồng thời, việc tăng cường quản lý rủi ro, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu là cực kỳ quan trọng để đảm bảo tính an toàn và minh bạch trong hoạt động ngân hàng trong tiềm lực tài chính còn giới hạn của mình.

Pháp lý

Sau khi đã triển khai Basel II, PGBank tiếp tục đặc biệt chú trọng và hướng tới việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế quan trọng như Basel III và IFRS9, xếp hạng tổ chức theo tiêu chuẩn của Moody's vào kế hoạch của ngân hàng. Đây vừa là yêu cầu từ cơ quan quản lý vừa là đòi hỏi từ nhu cầu quản trị nội bộ mà ngân hàng không ngừng nâng cao để đảm bảo tính bền vững và an toàn hoạt động. PGBank cam kết tăng cường quản lý rủi ro và nâng cao năng lực quản trị công ty thông qua việc hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình quản lý rủi ro, đồng thời sẵn sàng hợp tác chặt chẽ với các cơ quan giám sát và tổ chức đánh giá để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn pháp lý.

Các rủi ro từ môi trường bên trong



Rủi ro về cho vay

Hiện tội phạm sử dụng công nghệ cao gia tăng, các đối tượng xấu có thể sử dụng công nghệ để ngụy hồ sơ, chứng từ khi thực hiện giao dịch với ngân hàng. Sự đánh giá không chính xác, thiếu sự cập nhật, đào tạo các kiến thức mới khi phân tích nhu cầu, thẩm định khách hàng có thể dẫn đến việc cấp tín dụng rủi ro cao, tăng nguy cơ nợ xấu và ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng.

Rủi ro về xử lý nợ

PGBank vừa triển khai việc quản trị nợ theo mô hình mới, đồng thời với sự biến động về nhân sự của các đơn vị tham gia, thực hiện việc xử lý nợ dẫn đến quá trình xử lý nợ không đạt được hiệu quả như kế hoạch và việc triển khai theo mô hình mới, cá nhân tham gia xử lý nợ tại đơn vị chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng có thể gây ra các vấn đề phức tạp như chậm trễ trong thu hồi nợ, chi phí phát sinh không đáng kể và tiềm ẩn rủi ro pháp lý, tiềm ẩn nguy cơ tổn thất lớn cho ngân hàng.



Rủi ro về công nghệ

Hệ thống công nghệ đang được triển khai nâng cấp, có thể chưa thật sự ổn định có thể gây ra các sự cố về bảo mật dữ liệu và hoạt động hạn chế, làm gián đoạn quy trình kinh doanh và gây tổn thất uy tín cho ngân hàng.

Rủi ro về tuân thủ quy định và pháp lý

Sự thiếu sót trong việc tuân thủ các quy định và luật pháp có thể đưa ra mức phạt tài chính lớn và ảnh hưởng đến uy tín của ngân hàng, tiềm ẩn hậu quả nghiêm trọng cho PGBank nếu không thực hiện đúng các quy định về giao dịch và bảo vệ thông tin cá nhân



Tình hình hoạt động
trong năm



Hoạt động kinh doanh

Bối cảnh khó khăn chung của toàn nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của PGBank. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, PGBank đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Lợi nhuận trước thuế đạt 425 tỷ đồng, tăng 21% so với kết quả năm 2023, đồng thời hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng quy mô, bao gồm Tổng tài sản hoàn thành 115%, đạt mức 73.015 tỷ đồng; Dư nợ tín dụng hoàn thành 103% kế hoạch, đạt 41.533 tỷ đồng; Tiền gửi khách hàng hoàn thành 105% kế hoạch, đạt 43.326 tỷ đồng tại cuối năm 2024.



Một số chỉ tiêu chính được trình bày tại bảng sau đây:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng so với 2023	Kế hoạch 2024	TH/KH 2024
Chỉ tiêu quy mô					
Tổng tài sản	55.491	73.015	31,6%	63.503	115,0%
Dư nợ tín dụng	35.858	41.533	15,8%	40.476	102,6%
Tiền gửi của khách hàng	35.730	43.326	21,3%	41.230	105,1%
Chỉ tiêu lợi nhuận					
Tổng thu thuần	1.393	1.831	31,4%	2.086	87,8%
Chi phí hoạt động	1.042	1.406	34,9%	1.532	91,8%
Lợi nhuận trước thuế	351	425	21,1%	554	76,8%

ĐVT: Tỷ đồng, %

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	55.491	73.015
2	Doanh thu	3.615	3.753
3	Thuế và các khoản phải nộp (số đã nộp trong kỳ)	115	97
4	Lợi nhuận trước thuế	351	425
5	Lợi nhuận sau thuế	280	340

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Quy mô vốn		
	Vốn chủ sở hữu	4.864	5.166
	Trong đó: Vốn điều lệ	3.000	4.200
	Tổng tài sản có	55.491	73.015
	Tỷ lệ an toàn vốn	11,99%	10,01%
2	Kết quả hoạt động kinh doanh		
	Doanh số huy động tiền gửi khách hàng	35.730	43.326
	Doanh số cho vay khách hàng	35.335	41.236
	Nợ quá hạn (nợ nhóm 2-5) (*)	2.057	1.906
	Nợ xấu (*)	1.233	1.286
	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng nợ (*)	4,35%	3,07%
	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng nợ (*)	2,61%	2,07%
3	Khả năng thanh khoản		
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	21,68%	20,71%
	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày tiếp theo		
	VND	73,91%	92,95%
	USD và ngoại tệ khác quy đổi USD	40,53%	-990,86%

(*) Nợ nhóm 2-5, nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ quá hạn so với tổng nợ theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN và 31/2024/TT-NHNN.

Các sự kiện nổi bật

Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động nội bộ là một trong những thế mạnh của PGBank trong nhiều năm qua. Trong năm 2014, nhân dịp kỉ niệm 31 năm thành lập Ngân hàng, PGBank đã triển khai hàng loạt các hoạt động văn hóa nội bộ giúp gắn kết các cán bộ, nhân viên và nâng cao tinh thần đoàn kết trong nội bộ Ngân hàng, cụ thể:



Tháng 3/2024



Tổ chức giải bóng đá tranh cúp mùa xuân PGBank năm 2024 với 5 đội khu vực phía Bắc tham gia. Đây là hoạt động mừng xuân ý nghĩa, thúc đẩy tinh thần giao lưu, đoàn kết giữa các Đoàn viên, thanh niên tại đơn vị, từ đó giáo dục tinh thần tập thể thao, nâng cao sức khỏe phục vụ công việc được tốt hơn.



Với những hoạt động thiết thực chào đón ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), tổ chức lễ kỉ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 bằng việc trang trí, chương trình có sự đổi mới trong cách thức thực hiện và khiến cho các nữ CBNV vô cùng hào hứng.



Chào mừng 30 năm thành lập Hiệp hội Ngân hàng, với vai trò là Ngân hàng thành viên trong Hiệp hội, PGBank tổ chức chuỗi hoạt động kỷ niệm 30 năm thành lập Hiệp hội Ngân hàng (1994-2024), chủ động lên kế hoạch và tổ chức phát động, truyền thông liên tục đến CBNV PGBank trên toàn hệ thống tạo niềm hứng khởi đối với mỗi cá nhân trong ngôi nhà chung PGBank. Cũng trong thời gian này, đồng thời tổ chức cuộc thi sáng tác video PGBank bay cao, vươn xa dành cho CBNV PGBank trên toàn hệ thống.



Phối hợp tổ chức giải bóng đá cúp Tứ hùng DSC giữa PGBank với các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Thành Công (6/2024).

Tiếp nối truyền thống quan tâm, chăm lo sức khỏe cho cán bộ, nhân viên (CBNV), PGBank tổ chức “Hội thao PGBank năm 2024 – Khu vực phía Nam” tại thành phố Hồ Chí Minh, với hơn 700 vận động viên, cổ động viên tham gia thi đấu và cổ vũ. Ngay sau đó, PGBank tổ chức “Hội thao PGBank năm 2024 – Khu vực phía Bắc” tại thành phố Hà Nội, với hơn 800 vận động viên, cổ động viên tham gia thi đấu và cổ vũ.



Để chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, tổ chức chương trình “Lễ kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 tại Hội sở, đồng thời truyền thông đến các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống hưởng ứng tại các địa phương.



Nhằm hướng tới kỷ niệm 31 năm thành lập Ngân hàng (13/11/1993 – 13/11/2024), tổ chức sự kiện giải chạy online “Bước chạy thành công” lôi cuốn được 941 vận động viên tham gia với 42,785km được ghi nhận.

941 vận động viên **42,785** km

Tổ chức thành công chương trình Lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 31 của PGBank (13/11/2024) tại Hội sở và đồng thời tại tất cả các Chi nhánh của PGBank trên toàn quốc, CBNV còn được tặng những phần quà ý nghĩa nhân dịp sinh nhật mang thương hiệu PGBank: Ô, mũ bảo hiểm, áo mưa,...



Ngoài ra còn các hoạt động mang tính thường niên tạo động lực trong cán bộ, nhân viên PGBank: Tiệc cuối năm, Chương trình chào xuân,...

Năm 2024, với tinh thần “One team, One Goal” – Chung ý chí, chung mục tiêu, chung khát vọng đã tạo sức mạnh tập thể với tinh thần “Một PGBank” lan tỏa trên toàn hệ thống ngân hàng.



Chính sách đối với người lao động



Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của PGBank, vì vậy PGBank luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số lao động trong Ngân hàng là 1.921 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Tiêu chí	Tại thời điểm 31/12/2024
Tổng số lượng	1.921
Trình độ trên đại học	160
Trình độ đại học	1.532
Trình độ cao đẳng, trung cấp	119
Sơ cấp, trung cấp	31
Khác	79
Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	8
Hợp đồng dài hạn	1.795
Hợp đồng ngắn hạn	118

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc**
Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày và 48 giờ/tuần
- Nghỉ phép, lễ, tết**
Nghỉ phép, lễ, tết: CBNV được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của Nhà nước
- Nghỉ ốm, thai sản**
CBNV khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động
- Điều kiện làm việc**
Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho CBNV làm việc, trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết để CBNV làm việc hiệu quả nhất

Chính sách tuyển dụng

PGBank luôn đánh giá con người chính là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức. Vì vậy Ngân hàng luôn chú trọng đến chính sách nhân sự, trong đó tuyển dụng người tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là trọng tâm chính là những mục tiêu hàng đầu của PGBank. Lấy “nhân viên hạnh phúc, khách hàng hài lòng” làm kim chỉ nam trong văn hóa Doanh nghiệp, PGBank cam kết xây dựng lên một môi trường làm việc, tại đó:

- Chuyên nghiệp**
Hệ thống đào tạo bài bản, cơ hội phát triển công bằng, chế độ đãi ngộ hấp dẫn
- Thành công**
Khuyến khích sáng tạo, đột phá, đề cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm
- Bền vững**
Nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, hướng đến phát triển lâu dài
- Tiêu chuẩn**
Cam kết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, mang đến dịch vụ chất lượng cao

Chính sách đào tạo

Sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn đến đòi hỏi tất yếu phải phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ý thức rõ điều đó, PGBank luôn quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nhân sự, coi đây là một trong những công tác trọng tâm nền tảng để duy trì lợi thế cạnh tranh, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường và qua đó tạo sự gắn bó của người lao động với Ngân hàng.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Ngân hàng luôn thực hiện các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng chính sách và chế độ đãi ngộ người lao động vẫn được cải tiến, đảm bảo mức lương, thưởng cạnh tranh so với các đơn vị cùng ngành. Ngoài ra, cán bộ nhân viên PGBank còn được hưởng đầy đủ các chế độ khác như: Khám sức khỏe định kỳ, phụ cấp điện thoại, phụ cấp đi lại, phụ cấp ăn trưa, tham quan nghỉ mát, v.v.

Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển

Ngân hàng chú trọng xây dựng lộ trình thăng tiến thăng tiến rõ ràng để thu hút nhân tài. Lộ trình thăng tiến cho nhân viên cũng là một công cụ để tăng động lực và hiệu suất làm việc. Khi biết rằng công sức của mình sẽ được công nhận và đền đáp xứng đáng, nhân viên sẽ có thêm động lực để làm việc hết mình, hoàn thành các mục tiêu và góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tạo ra môi trường làm việc lành mạnh. Nhân viên hiểu rõ mục tiêu và những điều cần mình cần thực hiện. Từ đó cá nhân và đội nhóm sẽ cạnh tranh tích cực để “cán đích sớm”, thúc đẩy hiệu suất làm việc và văn hóa học tập.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần (tại thời điểm 31/12/2024)

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do
420.000.000	Phổ thông	420.000.000	0

Cơ cấu cổ đông (31/12/2024)

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	9.363	419.846.400	4.198.464.000.000	99,96%
	Cổ đông tổ chức	41	169.801.690	1.698.016.900.000	40,43%
	Cổ đông cá nhân	9.322	250.044.710	2.500.447.100.000	59,53%
2	Cổ đông nước ngoài	3	153.600	1.536.000.000	0,04%
	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
	Cổ đông cá nhân	3	153.600	1.536.000.000	0,10
	Tổng cộng	9.366	420.000.000	4.200.000.000.000	100,00%

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên) tại thời điểm 31/12/2024

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Quốc tế Cường Phát	56.873.535	13,54
2	Công ty CP Thương Mại Vũ Anh Đức	56.110.919	13,36
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Phát triển thương mại Gia Linh	55.014.425	13,10

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác

Trái phiếu phát hành riêng lẻ PGB12401

Tổ chức phát hành	: Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển
Mã trái phiếu	: PGB12401
Thời hạn trái phiếu	: 2 năm
Ngày phát hành	: 30/12/2024
Ngày đáo hạn	: 30/12/2026
Khối lượng phát hành	: 1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ) VND
Số lượng trái phiếu phát hành	: 1.000 (Một nghìn)
Mệnh giá trái phiếu	: 1.000.000.000 VND (Một tỷ)/Trái phiếu
Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu	: VND
Hình thức Trái Phiếu	: Bút toán ghi sổ
Lãi suất danh nghĩa	: Cố định 5,8%/năm
Loại hình Trái Phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư quy định rõ nguyên tắc quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Theo đó, TCTD thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng.

Để bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển, từng ngành và từng địa phương đã được yêu cầu xây dựng các quy hoạch phát triển đến 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó các quy hoạch phát triển năng lượng và khoáng sản được lập chi tiết đến tên từng dự án, PGBank luôn luôn ý thức, đề cao tầm quan trọng của vấn đề và luôn tuân thủ pháp luật như:

Nghiêm túc thực hiện chỉ thị NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội.

Thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với các dự án đầu tư để xác định rủi ro tín dụng, xác định các điều kiện cấp tín dụng của khoản cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng đối với khoản cấp tín dụng của khách hàng.

Tổ chức thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường của dự án đầu tư hoặc sử dụng kết quả đánh giá rủi ro về môi trường của dự án đầu tư từ các tổ chức có chức năng cung ứng dịch vụ đánh giá rủi ro về môi trường hoặc từ các TCTD khác theo thỏa thuận tại hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Khi đánh giá dự án đầu tư có rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, PGBank sẽ thỏa thuận với khách hàng bổ sung tại thỏa thuận cấp tín dụng các biện pháp khách hàng cam kết thực hiện nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khách hàng có trách nhiệm cung cấp các thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo yêu cầu của TCTD và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp.

Triển khai tích cực công tác thông tin, truyền thông về quản lý rủi ro môi trường và xã hội đến với tất cả cán bộ nhân viên thông qua các khóa đào tạo, tuyên truyền.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Cán bộ nhân viên luôn được PGBank chăm lo đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động thông qua việc tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ theo đúng quy định pháp luật và tham gia gói bảo hiểm sức khỏe của Tổng công ty bảo hiểm PJICO để gia tăng quyền lợi bảo hiểm cho cán bộ nhân viên so với quy định thông thường.

Vào các ngày lễ, tết, sinh nhật, cưới hỏi hay các ngày kỷ niệm lớn trong năm (ngày 08/03, ngày 20/10, ngày 30/04, mừng 02/09, Tết Dương lịch, Tết âm lịch...), PGBank thường có

các món quà nhỏ bằng tiền hoặc hiện vật để tri ân và tôn vinh đồng viên cán bộ nhân viên. Ngoài ra, vào các ngày Tết thiếu nhi, Tết Trung thu, Noel... PGBank đều tổ chức chương trình văn nghệ và tặng quà cho con em cán bộ nhân viên, tổ chức chương trình tôn vinh và có các phần thưởng cho các con đạt thành tích xuất sắc trong học tập để đồng viên tinh thần đối với con em cán bộ nhân viên. Ngày Thương binh liệt sỹ 27/07 hàng năm, PGBank đều tổ chức thăm hỏi, tri ân đối với các gia đình cán bộ nhân viên có công với cách mạng.



Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2024, PGBank tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Trung bình, mỗi cán bộ nhân viên được đào tạo khoảng 16 giờ/năm, trong đó cấp Quản lý đạt khoảng 25 giờ/năm và cấp Nhân viên đạt khoảng 14 giờ/năm.

Trong năm, PGBank đã triển khai 155 khóa đào tạo trên toàn hệ thống, thu hút hơn 17.000 lượt học viên tham gia (tăng 49% so với năm 2023). Các chương trình đào tạo tập trung vào các nhóm nội dung trọng điểm, bao gồm:

- Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ:** Các khóa đào tạo dành cho cán bộ tín dụng, dịch vụ khách hàng với trọng tâm là sản phẩm, quy trình, quy định, năng lực thẩm định và quản trị rủi ro.
- Phát triển kỹ năng quản lý và lãnh đạo:** Các chương trình đào tạo giúp đội ngũ quản lý nâng cao năng lực điều hành, quản lý hoạt động bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Đào tạo tuân thủ:** PGBank đặc biệt chú trọng triển khai các khóa học về Nhận thức An toàn thông tin, Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, Phòng chống gian lận, Nâng cao nhận thức về Quản lý hoạt động liên tục... nhằm đảm bảo sự tuân thủ chặt chẽ theo các quy định pháp luật và yêu cầu quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Hằng năm, PGBank tổ chức các chương trình đánh giá kiến thức sau thử việc và đánh giá định kỳ đối với các nhóm cán bộ Khách hàng cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp, Dịch vụ khách hàng và Tác nghiệp tín dụng. Kết quả đánh giá giúp Ngân hàng xác định chính xác năng lực của đội ngũ nhân sự, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao phù hợp, đồng thời kết hợp chặt chẽ với các đơn vị Hội sở để bồi dưỡng và phát triển nhân sự theo định hướng chiến lược.

Năm 2024 đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ vào đào tạo khi PGBank chính thức triển khai hệ thống E-learning trên toàn ngân hàng. Nền tảng này mang lại giải pháp học tập linh hoạt, cho phép cán bộ nhân viên tiếp cận kiến thức mọi lúc, mọi nơi trên nhiều thiết bị khác nhau. Việc triển khai E-learning không chỉ tối ưu hóa hoạt động đào tạo mà còn nâng cao hiệu quả học tập, tạo điều kiện để nhân sự chủ động phát triển năng lực cá nhân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngân hàng.



Hệ thống quy định, chính sách đào tạo được cập nhật thường xuyên nhằm đảm bảo phù hợp với định hướng chiến lược và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của CBNV.

Thông qua các hoạt động đào tạo đa dạng và chiến lược phát triển nhân sự bài bản, PGBank cam kết tiếp tục đầu tư vào nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho khách hàng cũng như cổ đông.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công tác an sinh xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân tại các vùng miền, PGBank đã tích cực hưởng ứng và phối hợp cùng chính quyền các cấp trong việc nghiên cứu, ban hành các chính sách để đẩy mạnh việc hỗ trợ các địa phương trong công tác xây dựng cơ sở vật chất thiết yếu nhằm nâng cao đời sống vật chất cho người dân; bên cạnh đó PGBank còn có những ủng hộ thiết thực, kịp thời trong các công trình như xây dựng căn nhà yêu thương, quỹ khuyến học, đền ơn đáp nghĩa..., cụ thể:

- Tham gia Dự án xây đường nước sạch cho các em nhỏ vùng cao tỉnh Quảng Ngãi của The Five phát động T3/2024 (TCĐ CN Đồng Đô)
- Tham gia hiến máu nhân đạo "giọt máu hồng, giọt dầu đỏ" do Tập đoàn Petrolimex phát động
- Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 3 tại các tỉnh phía Bắc
- Vận động CBNV tham gia hiến máu tình nguyện do NHNN CN tỉnh Đồng Tháp tổ chức
- Hỗ trợ chương trình "Tết sum vầy - Xuân chia sẻ" năm 2024 - Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp (11/01/2024)
- Hỗ trợ kinh phí cho thanh niên lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự 2024 - UBND phường 3, Tp. Cao Lãnh (17/01/2024)
- Ủng hộ tổ chức họp mặt nhân kỷ niệm 55 năm thành lập biệt động học sinh thị xã Cao Lãnh (12/3/2024)
- Ủng hộ Ủy ban MTTQVN phường 2, Tp. Sa Đéc tổ chức Đại hội (12/3/2024)

- Hỗ trợ khen thưởng cuối năm cho học sinh Trường TH Chu Văn An (19/03/2024)
- Ủng hộ Quỹ Vì học sinh khó khăn Trường TH Tân Phước 1 (26/3/2024)
- Tài trợ chương trình "Gương sáng hiếu học" trên địa bàn Huyện Hồng Ngự (01/4/2024)
- Trao tặng nhà ĐẠI ĐOÀN KẾT cho hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở tỉnh Đồng Tháp
- Trao tặng chương trình "Thắp sáng ước mơ" Trường Nguyễn Quang Diêu (18/7/2024)
- Ủng hộ Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp (07/2024)
- Ủng hộ Học bổng "Vì sự phát triển cộng đồng" Trường CĐ Cộng đồng Đồng Tháp (11/9/2024)
- Ủng hộ Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc (25/11/2024)
- Tổ chức hiến máu nhân đạo theo Kế hoạch ngành Ngân hàng tại TP Cần Thơ lần thứ 1 năm 2024
- Ủng hộ quỹ khuyến học TP Cần Thơ 500 quyển tập
- Ủng hộ đóng góp kinh phí trồng rừng
- Hoạt động từ thiện thông qua quán cơm từ thiện của GĐCN Vũng Tàu
- Phát động phong trào quyên góp và trao 200 suất quà cho trẻ em chất độc da cam nhân dịp Tết Trung thu tại TCD CN Vũng Tàu
- Ủng hộ đồng bào Miền Bắc thiệt hại do cơn bão Yagi thông qua MTTQ tỉnh Khánh Hòa
- Ủng hộ quyên góp Chương trình chiến thắng Điện Biên Phủ



.....

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng, an toàn vốn hiệu quả

Tổng tài sản đến 31/12/2024 đạt 73.015 tỷ đồng tăng 31,6% so với cuối năm 2023, hoàn thành 115% kế hoạch.

Vốn chủ sở hữu đạt 5.166 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cuối năm 2023. Hệ số an toàn vốn (CAR) thường xuyên duy trì ở mức cao (trên 10%) trong cả năm 2024.

73.015	Tăng	115%
Tỷ đồng	31,6%	kế hoạch

Huy động vốn tăng trưởng tốt, tính ổn định của nguồn tiền gửi khá tốt

Đến 31/12/2024, tổng vốn huy động đạt 66.685 tỷ đồng, tăng 33,9% so với cuối năm 2023, hoàn thành 118% kế hoạch. Trong đó, Huy động tiền gửi khách hàng đạt 43.326 tỷ đồng, tăng 21,3% so với cuối năm trước. Tính ổn định của nguồn huy động tiền gửi khá tốt khi huy động từ cá nhân - nguồn huy động ổn định nhất - chiếm tới 69% tổng tiền gửi Khách hàng tại cuối 2024.

66.685	Tăng	118%
Tỷ đồng	33,9%	kế hoạch

Kiểm soát chất lượng tín dụng; Công tác xử lý nợ được thực hiện tích cực

Tỷ lệ nợ xấu tại cuối 2024 là 2,07%, giảm mạnh so với mức 2,61% so với cuối năm trước. Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2024 tiếp tục được đẩy mạnh thông qua nhiều biện pháp như sử dụng nguồn dự phòng rủi ro, bán nợ cho VAMC, các biện pháp xử lý tài sản, thu hồi nợ, v.v.



Tăng trưởng tín dụng cao, vượt kế hoạch

Đến 31/12/2024, tổng dư nợ tín dụng toàn ngân hàng đạt 41.533 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cuối năm trước, hoàn thành 103% kế hoạch. Trong đó, tín dụng khách hàng doanh nghiệp đạt 23.792 tỷ đồng, tăng 13%, chiếm 57% tổng dư nợ tín dụng trong khi cho vay bán lẻ đạt 17.742 tỷ đồng, tăng 19,9%, chiếm 43% tổng dư nợ tín dụng.

41.533	Tăng	103%
Tỷ đồng	15,8%	kế hoạch



Hoạt động dịch vụ

Hoạt động thanh toán duy trì ổn định. Năm 2024, tổng lượng điện giao dịch đi, đến trong nước VNĐ đạt 426.595 giao dịch, với tổng giá trị xấp xỉ 245.421 tỷ đồng. Lượng điện thanh toán đi và đến trong nước lần lượt là 199.275 và 227.320 giao dịch, với giá trị 136.620 tỷ đồng đối với giao dịch đi và 108.800 tỷ đồng đối với giao dịch đến. Việc sử dụng module xử lý điện tập trung tại HO giúp cho việc hạch toán chuyển tiền đi, chuyển tiền đến đạt tỷ lệ xử lý tự động khoảng 90% tổng số lệnh thanh toán. Lượng thanh toán điện qua kênh CITAD – thanh toán điện tử liên ngân hàng chiếm 87% giao dịch toàn hàng. Các kênh thanh toán đa dạng với các tổ chức tín dụng khác như VCB, BIDV, Vietinbank giúp cho chất lượng thanh toán nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả hơn..

Giao dịch chuyển tiền đi nước ngoài với số lượng 1.445 giao dịch với giá trị đạt hơn 69,2

triệu USD, giao dịch chuyển tiền về từ nước ngoài với số lượng 2.412 điện với giá trị đạt 176,2 triệu USD. Tổng phí thu được từ nghiệp vụ chuyển tiền quốc tế đạt khoảng 2,4 tỷ đồng.

Về dịch vụ phục vụ nhập khẩu, năm 2024 PGBank đã phát hành L/C nhập khẩu với tổng trị giá đạt 223 triệu USD, phát hành Bảo lãnh quốc tế với giá trị đạt gần 2 triệu USD. Thanh toán chứng từ theo L/C nhập khẩu đạt 207 triệu USD, giá trị thanh toán nhờ thu nhập khẩu do các ngân hàng nước ngoài gửi nhờ PGBank thu hộ đạt 2 triệu USD.

Về dịch vụ phục vụ xuất khẩu, tổng giá trị thanh toán xuất khẩu đạt gần 27,7 triệu USD, trong đó thanh toán L/C xuất khẩu đạt 7,8 triệu USD, thanh toán nhờ thu xuất khẩu đạt 19,9 triệu USD. Phí thu được từ hoạt động Tài trợ thương mại trong năm 2024 đạt hơn 9,4 tỷ đồng.



Lợi nhuận không hoàn thành kế hoạch, tuy nhiên tăng trưởng khá so với năm trước

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 425 tỷ đồng, thực hiện 77% kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, nếu so với kết quả năm 2023 thì LNTT của PGBank vẫn tăng trưởng trên 21%.

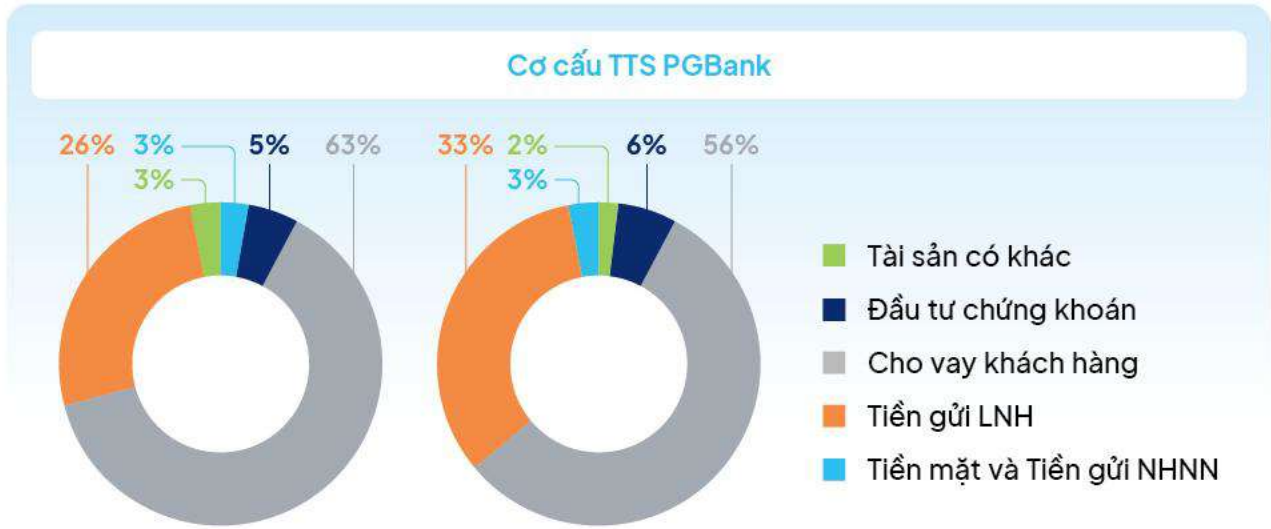
Năm 2024, Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 0,7%, Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 8,4%, và Thu nhập lãi cận biên (NIM) đạt 2,7%.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Tổng tài sản đến 31/12/2024 đạt 73.015 tỷ đồng, tăng 17.524 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 31,6% so với cuối năm 2023. Tài sản có sinh lãi chiếm 97,3% tổng tài sản tại cuối 2024.

Trong cơ cấu tài sản, Cho vay khách hàng vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, Đầu tư chứng khoán. Các tài sản khác chiếm tỷ trọng nhỏ.



Tổng dư nợ cho vay khách hàng (bao gồm mua nợ) tại 31/12/2024 đạt 41.533 tỷ đồng, tăng 16% so với cuối năm 2023, chiếm 57% tổng tài sản. So với cuối 2023, cơ cấu cho vay theo kỳ hạn có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn và giảm tỷ trọng cho vay trung dài hạn. Cụ thể, dư nợ ngắn hạn tại cuối 2024 đạt 23.538 tỷ đồng, tăng 4.389 tỷ đồng so với cuối 2023, chiếm 57% tỷ trọng dư nợ cho vay (cuối 2023: 54%). Cho vay VND vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu khi chiếm tới 99% tổng dư nợ cho vay tại cuối năm 2024.

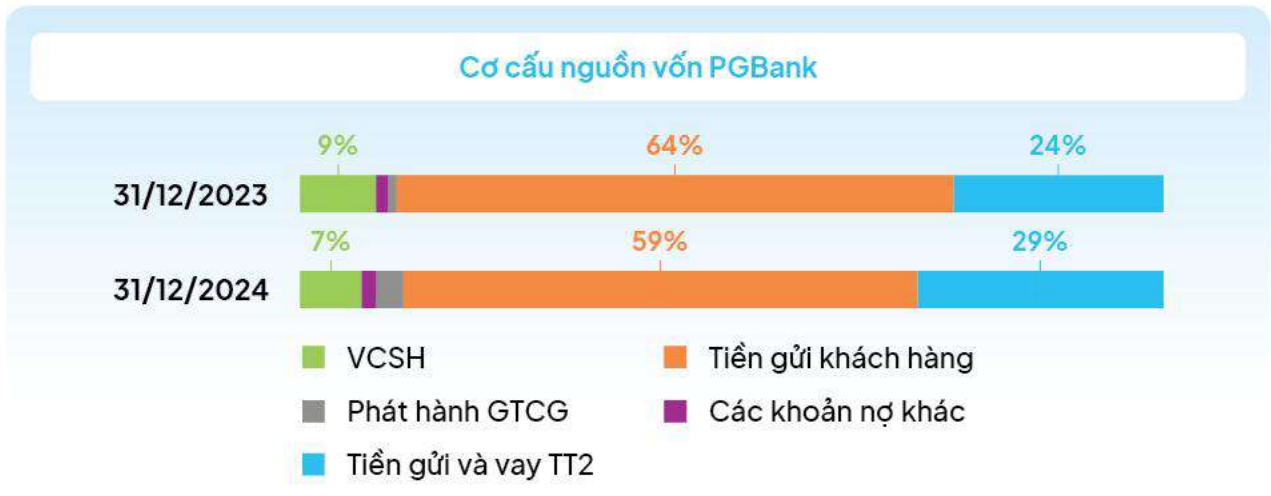
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác của PGBank tại 31/12/2024 đạt 23.802 tỷ đồng, tăng 66,8% so với cuối năm 2023, chiếm 33% Tổng tài sản. Hoạt động gửi tiền tại tổ chức tín dụng khác thận trọng, đảm bảo an toàn. Tất cả các khoản tiền gửi đều là nợ đủ tiêu chuẩn, không phát sinh nợ quá hạn trong hoạt động gửi tiền tại các tổ chức tín dụng khác.

Danh mục đầu tư chứng khoán tại cuối 2024 đạt 4.676 tỷ đồng, tăng 47,3% so với cuối năm 2023. Hoạt động đầu tư của PGBank an toàn, không phát sinh các khoản đầu tư bị quá hạn.



Tình hình nguồn vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn tại cuối 2024, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là Tiền gửi khách hàng (chiếm gần 60%), tiếp đến là Tiền gửi và vay TT2 (chiếm dưới 30%), 7% từ vốn chủ sở hữu, các khoản mục khác đóng góp tỷ trọng nhỏ (dưới 5%).



Tại 31/12/2024, tiền gửi khách hàng đạt 43.326 tỷ đồng, chiếm 59% tổng nguồn vốn, tăng 21,3% so với cuối năm 2023. Trong đó, huy động cá nhân đạt 30.070 tỷ đồng, chiếm 69,4% tổng tiền gửi khách hàng. Tiền gửi không kỳ hạn đạt 6.113 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ CASA đạt 14,1%.

Ngoài ra, năm 2024, PGBank cũng từng bước đa dạng nguồn huy động khi đẩy mạnh kênh huy động thông qua phát hành Giấy tờ có giá. Tại 31/12/2024, Ngân hàng đã huy động được 2.280 tỷ đồng thông qua kênh huy động này.

Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác tại 31/12/2024 đạt 21.080 tỷ đồng, tăng 55,4% so với 31/12/2023, chiếm 29% tổng nguồn vốn.

Vốn chủ sở hữu thời điểm cuối năm 2024 đạt 5.166 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cuối năm 2023, chiếm 7% tổng nguồn vốn. Trong đó, vốn điều lệ tăng từ 3.000 tỷ đồng lên mức 4.200 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2024, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024. PGBank đã thực hiện hoàn thiện và bổ sung các quy định, quy trình, chính sách nghiệp vụ phù hợp với hoạt động hiện tại và đáp ứng các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện tăng vốn điều lệ

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện tăng vốn, hoàn thành mục tiêu tăng vốn từ 4.200 tỷ lên 5.000 tỷ theo phê duyệt của NHNN. Tiếp tục đề xuất tăng vốn lên 7.000 tỷ theo đề án tái cơ cấu.

Hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, thay đổi quy trình/quy chế, phát triển mạng lưới, công nghệ thông tin

i Thay đổi quy trình và quy chế

- Tinh gọn các phòng ban chức năng, sáp nhập các phòng ban có chức năng tương đồng.
- Tự động hóa quy trình nghiệp vụ: ứng dụng công nghệ RPA (Robotic Process Automation) trong xử lý giao dịch và phê duyệt tín dụng. Áp dụng công nghệ e-KYC (định danh khách hàng trực tuyến) để tối ưu hóa quy trình mở tài khoản, cấp tín dụng trực tuyến.
- Chuẩn hóa quy trình hoạt động tại Chi nhánh: Triển khai bộ tiêu chuẩn vận hành (Standard Operating Procedures-SOP) cho các nghiệp vụ tại Chi nhánh. Đơn giản hóa các bước xử lý hồ sơ vay vốn, giảm thời gian xử lý từ 7 ngày xuống còn 3-5 ngày.
- Thiết lập cơ chế phản hồi nhanh: Xây dựng trung tâm hỗ trợ nội bộ tại trụ sở chính để giải quyết các vấn đề phát sinh từ Chi nhánh trong vòng 24 giờ.

ii Rà soát và nâng cấp quy chế

- Rà soát định kỳ các quy chế nội bộ: Hoàn thiện đồng bộ cơ chế tạo động lực cho người lao động, tối ưu hóa chính sách nhân sự: xây dựng quy trình tuyển dụng 2 bước, cải thiện quy chế đánh giá hiệu quả công việc (KPI) gắn với thưởng hiệu suất hàng tháng/quý/năm...
- Rà soát, cập nhật quy chế và chuẩn hóa các quy trình về quản lý tín dụng, quản lý rủi ro để phù hợp với thị trường và các quy định pháp luật mới.

iii Phát triển hệ thống và mạng lưới

- Rà soát, đánh giá, tái cơ cấu Chi nhánh/Phòng giao dịch yếu kém
- Xây dựng phương án đề xuất mở mới mạng lưới bao gồm Chi nhánh, Phòng giao dịch

iv Ứng dụng công nghệ trong quản lý tổ chức

- Xây dựng hệ thống quản lý tập trung (Core Banking Advanced): Kết nối liên mạch giữa trụ sở chính và Chi nhánh. Trụ sở chính giám sát trực tiếp các hoạt động tại Chi nhánh theo thời gian thực.
- Ứng dụng phần mềm ERP (Enterprise Resource Planning): Tích hợp quản lý nhân sự, tài chính, tín dụng, và tài sản trên một nền tảng duy nhất
- Phát triển Dashboard quản trị thông minh: Cung cấp báo cáo nhanh về hiệu suất Chi nhánh, rủi ro tín dụng và các chỉ số tài chính.

v Hoàn thiện hệ thống quản trị

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị tài chính: Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ tài chính kế toán, quy trình xây dựng, quản lý và kiểm soát ngân sách hoạt động của PGBank.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 của PGBank và không có ý kiến xung đột với Ban Tổng Giám đốc PGBank.

IV

.....

**Đánh giá của
Hội đồng quản trị
về hoạt động
của Ngân hàng**



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng

Với sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, sự chủ động và hiệu quả của Ban Tổng Giám đốc cùng sự nỗ lực và quyết tâm của toàn bộ cán bộ nhân viên, Ngân hàng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2024 của Ngân hàng như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	So sánh TH/KH 2024
1	Tổng tài sản	73.015	63.503	115%
2	Tổng dư nợ tín dụng	41.533	40.476	103%
3	Tổng huy động	66.685	56.530	118%
4	Tổng thu nhập	1.831	2.086	88%
5	Chi phí hoạt động & dự phòng	1.406	1.532	92%
6	Lợi nhuận trước thuế	425	554	77%
7	Vốn điều lệ	4.200	5.000	84%

Năm 2024, PGBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả đối với mọi mặt hoạt động của ngân hàng từ danh mục sản phẩm, dịch vụ, chất lượng tài sản, cho đến các công tác quản trị điều hành, quản trị tài chính, và công tác kiểm tra, giám sát kiểm toán nội bộ. Riêng đối với hoạt động tín dụng, HĐQT yêu cầu rà soát các khách hàng có tài sản rủi ro

lớn, chỉ đạo tập trung triển khai các biện pháp để thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng và nợ bán cho VAMC theo lộ trình để kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu dưới mức 3%. Ngoài ra, Ngân hàng cũng chú trọng đầu tư vào CNTT, thực hiện chương trình chuyển đổi số với nhiều sản phẩm mới, ứng dụng mới để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc, HĐQT có những đánh giá như sau:

Ban Tổng Giám đốc thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo và giải trình đầy đủ, chính xác và đúng hạn về hoạt động của Ngân hàng tại các cuộc họp HĐQT và theo từng vấn đề cụ thể khi có yêu cầu của HĐQT;

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, quản lý Ngân hàng và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh và hoạt động để ra;

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên chủ động đề xuất các chiến lược và giải pháp mới, sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như an toàn hoạt động của Ngân hàng;

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ cá nhân được giao, thể hiện sự đồng thuận và phối hợp tốt trong thực thi công việc.

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng định hướng phát triển của Ngân hàng và triển khai hiệu quả các chỉ đạo, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của PGBank trong quá trình hoạt động.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trong mọi mặt hoạt động của Ngân hàng,. Từ những kết quả trong hoạt động của Ngân hàng đạt được trong năm 2024, HĐQT đánh giá cao và ghi nhận sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành.

Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh doanh năm 2025 và đánh giá các nguồn lực của Ngân hàng, HĐQT dự kiến sẽ trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tăng/giảm (+/-)	Tăng/giảm (%)
Tổng tài sản	73.015	86.726	13.711	18,8%
Tổng dư nợ tín dụng ^(*)	41.533	48.653	7.119	17,1%
Tổng huy động	66.685	78.449	11.763	17,6%
Tổng thu nhập	1.831	2.462	631	34,5%
Chi phí hoạt động và dự phòng	1.406	1.746	340	24,2%
Lợi nhuận trước thuế	425	716	291	68,4%
Vốn điều lệ	4.200	5.000	800	19,0%

(*) Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng sẽ có điều chỉnh nếu có sự điều chỉnh từ NHNN



V

.....

Quản trị Ngân hàng



Hội đồng Quản trị

Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị



Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro đã thực hiện tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách liên quan đến quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng. Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi

ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Ủy ban cũng xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất về những yêu cầu cần thay đổi về quy trình, chính sách, chiến lược hoạt động.

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự đã thực hiện tham mưu, tư vấn cho HĐQT về chiến lược và mô hình phát triển nguồn nhân lực của ngân hàng, phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược kinh doanh của ngân hàng; đồng thời tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ủy ban Nhân sự cũng nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ về công tác thu hút, lựa chọn và tuyển dụng nhân sự; quy hoạch, đào tạo và phát triển cán bộ; xây dựng và thực thi các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thù lao, khen thưởng, kỷ luật của ngân hàng.

Các Hội đồng/Ủy ban khác tham mưu, giúp việc cho HĐQT

Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện phê duyệt hoặc quyết định việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống; phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống và kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt; quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu

hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm.

Hội đồng xử lý rủi ro hợp theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro để thực hiện các công việc thuộc chức năng của Hội đồng xử lý rủi ro theo Quy chế tổ chức và hoạt động do HĐQT ban hành.

Hoạt động của HĐQT



Năm 2024 HĐQT PGank đã tổ chức 08 cuộc họp HĐQT, thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và ban hành 309 Nghị quyết HĐQT.

Chỉ đạo triển khai Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ 2021-2025. Xử lý dứt điểm các tồn tại, vi phạm, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động ngân hàng. Đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh. Kiểm soát và xử lý đối với nợ xấu, nợ tiềm ẩn, nợ xấu, nợ bán cho VAMC. Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của PGBank, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%.

Chỉ đạo triển khai tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024, ĐHĐCĐ bất thường năm 2024. Theo đó, ĐHĐCĐ PGBank đã thông qua một số nội dung trọng yếu như thông qua kế hoạch kinh doanh 2024, thông qua miễn nhiệm một số thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025, thông qua sửa đổi Điều lệ, thông qua phương án tăng vốn Điều lệ, thông qua bầu bổ sung nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025, thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở của PGBank và một số nội dung khác.

Chỉ đạo/định hướng hoàn thiện hệ thống quy trình/quy chế phù hợp theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, quyết định ban hành chính thức các văn bản cập nhật/ sửa đổi các quy định nội bộ như Quy chế góp vốn, mua cổ phần, Quy chế hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, Quy chế công bố thông tin, Quy chế mua bán nợ, Quy chế phê duyệt tín dụng, Quy chế tiền gửi, Quy chế tài chính, Quy chế cho vay, Quy chế mua bán trái phiếu doanh nghiệp, Quy chế hoạt động tư vấn. Nội dung sửa đổi, bổ sung tuân thủ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai hoàn thiện thủ tục xin Ngân hàng Nhà Nước chấp thuận về việc thành lập các chi nhánh Thái Nguyên, Nghệ An, Thanh Hóa, Đông Anh, Ninh Bình. Đồng thời, thông qua việc sửa chữa, chuyển địa điểm đặt trụ sở của các chi nhánh, phòng giao dịch PGBank tại các vị trí thuận lợi, mặt bằng lớn, tạo nhận diện thương hiệu hình ảnh chuyên nghiệp, hiện đại đối với khách hàng và các đối tác.

Kiên toàn công tác quản trị nhân sự cấp cao, cải tiến chế độ cho người lao động, thúc đẩy phát huy năng lực, tìm kiếm thu hút và phát triển nhân tài. Trong năm 2024, HĐQT đã thông qua bổ nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm thêm 03 Phó Tổng giám đốc, cụ thể, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hương làm Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ông Trần Văn Luân làm Phó TGD Thường trực; bổ nhiệm ông Lê Văn Phú làm Phó TGD phụ trách khối quản lý rủi ro, khối tái thẩm định và phê duyệt tín dụng, khối xử lý và thu hồi nợ; bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Chiến phụ trách Khối Vận hành, công tác định giá, công tác tài chính.

Tổ chức họp HĐQT định kỳ hàng tháng/ đột xuất để nghe báo cáo của ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động bên cạnh việc duy trì chế độ giám sát theo phân cấp thẩm quyền.

Chỉ đạo kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ/ đột xuất hoạt động của các đơn vị kinh doanh, tìm hiểu các khó khăn vướng mắc và đưa ra chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động của từng chi nhánh.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện theo 3 giải pháp đột phát của Chính Phủ: Hoàn thiện thể chế (rà soát quy trình, quy chế; rút gọn thời gian xử lý, tăng tính hiệu quả); phát triển nguồn nhân lực (xây dựng cơ chế động lực, đào tạo nguồn nhân lực); phát triển kết cấu hạ tầng (tập trung triển khai các dự án Công nghệ thông tin, thực hiện đồng bộ cơ sở vật chất trên hệ thống).

HĐQT PGBank thực hiện đầy đủ các nguyên tắc quản trị cơ bản bao gồm:

- — Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ ngân hàng
- — Đảm bảo cơ cấu quản trị và mô hình hoạt động hiệu quả
- — Đối xử công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cổ đông và người có liên quan
- — Minh bạch trong hoạt động của PGBank

Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị



Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của PGBank là ông Đào Quốc Tính và bà Cao Thị Thúy Nga luôn đảm bảo tính khách quan, độc lập khi tham gia vào việc đưa ra các quyết định. Trong năm 2024, ông Đào Quốc Tính và bà Cao Thị Thúy Nga được phân công phụ trách các hoạt động gồm:

Giám sát, quản trị và hỗ trợ các lĩnh vực hoạt động của PGBank liên quan đến kiểm toán (nội bộ và độc lập)

Bà Cao Thị Thúy Nga tham gia vào Ủy ban Quản lý rủi ro với vai trò là Thành viên của Ủy ban.

Thực hiện các quyền, nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT, Điều lệ Ngân hàng, quy định pháp luật.

Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

BKS đã giám sát HĐQT trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2024 theo lộ trình.



BKS đã giám sát kết quả thực hiện giám sát quản lý cấp cao của HĐQT với TGD về việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ, việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua hoạt động giám sát và kiểm toán nội bộ; giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng theo quy định tại Luật các TCTD 2024.



Giám sát HĐQT trong việc tổ chức chỉnh sửa các kiến nghị của Thanh tra NHNN, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ và các Cơ quan kiểm tra bên ngoài khác của Nhà nước liên quan đến hoạt động và trách nhiệm của HĐQT.

BKS tham gia vào các cuộc họp trực tiếp của HĐQT, nhận đầy đủ các tài liệu, hồ sơ trình HĐQT khi họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để nắm bắt và có ý kiến về tuân thủ quy định pháp luật đối với các nội dung trình theo thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.

Các kết quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và các kiến nghị của BKS được gửi tới HĐQT để HĐQT nắm bắt các vấn đề phát hiện và có chỉ đạo thực hiện với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Bộ phận giúp việc của BKS là KTNB thực hiện theo dõi tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS, KTNB đối với HĐQT.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Tổng Giám đốc

Giám sát kết quả thực hiện giám sát quản lý cấp cao của Tổng Giám đốc và các Khối/Phòng hệ thống/Đơn vị kinh doanh thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ;

Giám sát Tổng Giám đốc trong việc chỉnh sửa các kiến nghị của Thanh tra NHNN, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ và các Cơ quan kiểm tra bên ngoài khác của Nhà nước liên quan đến hoạt động và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.

Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ để giám sát việc tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành, quản lý rủi ro đối với các Đơn vị/cá nhân do Tổng Giám đốc quản lý; Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Ngân hàng.

Tham gia và có ý kiến (nếu cần) tại các phiên họp Ban Điều hành hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành.

Các kết quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và các kiến nghị của BKS được gửi tới TGD để TGD nắm bắt các vấn đề phát hiện và có chỉ đạo thực hiện với những vấn đề thuộc thẩm quyền của TGD. Bộ phận giúp việc của BKS là KTNB thực hiện theo dõi tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS, KTNB đối với TGD.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác

Cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGD đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của PGBank, vì mục tiêu chung vì sự phát triển bền vững của PGBank.

HĐQT, BKS, TGD thường xuyên phối hợp hoạt động theo các quy định nội bộ về cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao của TGD. BKS được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành của HĐQT và TGD.

Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, TGD về các biện pháp tăng cường kiểm soát, quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ. Các ý kiến, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, TGD xem xét, chỉ đạo các Đơn vị liên quan thực hiện

VI

.....

**Các giao dịch, thù lao
và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát và
Ban Tổng giám đốc**



Năm 2024, PGBank đã chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như dưới đây:

STT	Đơn vị	Tiền lương, thù lao
1	Hội đồng Quản trị	9.181.161.818
2	Ban Kiểm soát	3.595.320.000
3	Ban Tổng Giám đốc	9.239.561.154
TỔNG		22.016.042.972

Tiền lương, thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát sẽ được quyết toán sau khi đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không

NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Mạnh Hằng



VII


Báo cáo tài chính



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được kiểm toán

 Bản scan đính kèm





📍 | Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhà Mipec
Số 229 Tây Sơn, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

☎ | (+84) 24 6281 1298 📠 | (+84) 24 6281 1299

✉ | dvkh@pgbank.com.vn 🌐 | www.pgbank.com.vn

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được lập theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng
cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý
có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 58



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Mạnh Thắng	Chủ tịch
Ông Đào Phong Trúc Đại	Phó chủ tịch
Ông Vương Phúc Chính	Thành viên
Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên
Ông Đào Quốc Tính	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2024)
Bà Cao Thị Thúy Nga	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2024)
Ông Nguyễn Thành Lâm	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024)
Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Mạnh Hoán	Thành viên
Bà Hạ Hồng Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Hương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2024)
	Quyền Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2024)
Ông Trần Văn Luân	Phó Tổng Giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2024)
	Phó Tổng Giám đốc điều hành (miễn nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2024)
	Phó Tổng Giám đốc thường trực (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Lê Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Chiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Đinh Thành Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2024)
Ông Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2024)
Ông Hoàng Xuân Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2024)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC

Số 229 Tây Sơn, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Nguyễn Văn Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: 0923 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 58, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Tuấn Linh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Đoàn Diệu Huyền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5593-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	224.524	229.343
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	6	2.197.457	1.601.718
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	23.801.965	14.270.357
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		23.801.965	14.270.357
IV.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	1.948	1.161
V.	Cho vay khách hàng		40.811.502	34.983.261
1.	Cho vay khách hàng	9	41.236.482	35.335.012
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(424.980)	(351.751)
VI.	Hoạt động mua nợ	11	294.772	22.748
1.	Mua nợ		297.000	22.920
2.	Dự phòng rủi ro mua nợ		(2.228)	(172)
VII.	Chứng khoán đầu tư	12	4.250.897	2.932.810
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.937.014	2.225.648
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.739.483	949.273
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(425.600)	(242.111)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	488	488
5.	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác		529	529
6.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(41)	(41)
IX.	Tài sản cố định	14	248.219	277.365
1.	Tài sản cố định hữu hình	14.1	200.251	223.498
a.	Nguyên giá tài sản cố định		488.264	478.524
b.	Hao mòn tài sản cố định		(288.013)	(255.026)
2.	Tài sản cố định vô hình	14.2	47.968	53.867
a.	Nguyên giá tài sản cố định		127.440	121.902
b.	Hao mòn tài sản cố định		(79.472)	(68.035)
X.	Tài sản Có khác	15	1.183.343	1.171.867
1.	Các khoản phải thu		643.257	528.992
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		468.766	569.031
3.	Tài sản Có khác		129.801	112.325
4.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(58.481)	(38.481)
TỔNG TÀI SẢN			73.015.115	55.491.118

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	419.069	-
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		419.069	-
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	20.660.560	13.568.062
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		20.660.560	13.568.062
III.	Tiền gửi của khách hàng	18	43.325.745	35.729.811
IV.	Phát hành giấy tờ có giá	19	2.280.000	500.000
V.	Các khoản nợ khác		1.163.691	829.421
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		791.219	706.228
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	372.472	123.193
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		67.849.065	50.627.294
VI.	Vốn và các quỹ			
1.	Vốn của Ngân hàng	22	4.200.000	3.000.000
	Vốn điều lệ		4.200.000	3.000.000
2.	Quỹ của Ngân hàng	22	320.256	378.272
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	22	645.794	1.485.552
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.166.050	4.863.824
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.015.115	55.491.118

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		8.818.705	5.964.527
1.	Bảo lãnh vay vốn	35	40.712	12.976
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	35	2.538.759	572.772
a.	Cam kết mua ngoại tệ		149.937	14.562
b.	Cam kết bán ngoại tệ		127.065	36.405
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi		2.261.757	521.805
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	35	564.728	480.507
4.	Bảo lãnh khác	35	4.902.944	4.103.025
5.	Các cam kết khác	35	771.562	795.247
6.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	36	683.839	652.104
7.	Nợ khó đòi đã xử lý	37	2.865.745	2.843.727
8.	Tài sản và chứng từ khác	38	2.830.884	2.358.508

Người lập

Qian

Hoàng Tố Tâm

Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Văn Hương

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	3.496.810	3.455.868
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(1.837.972)	(2.154.514)
I.	Thu nhập lãi thuần		1.658.838	1.301.354
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		100.087	99.301
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(82.183)	(64.611)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	17.904	34.690
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	251	19.451
IV.	(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	(54.677)	(3.454)
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		209.949	43.472
6.	Chi phí hoạt động khác		(1.016)	(2.175)
V.	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	208.933	41.297
VI.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	148	132
	Tổng thu nhập hoạt động		1.831.397	1.393.470
7.	Chi phí nhân viên		(589.146)	(482.687)
8.	Chi phí khấu hao và khấu trừ		(46.312)	(40.682)
9.	Chi phí hoạt động khác		(338.509)	(284.840)
VII.	Tổng chi phí hoạt động	30	(973.967)	(808.209)
VIII.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		857.430	585.261
IX.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(431.982)	(234.029)
X.	Tổng lợi nhuận trước thuế		425.448	351.232
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(85.645)	(71.337)
XI.	Chi phí thuế TNDN		(85.645)	(71.337)
XII.	Lợi nhuận sau thuế		339.803	279.895
XIII.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	809	577

Người lập



Hoàng Tố Tâm

Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Văn Hương

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.597.075	3.453.845
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.752.981)	(2.024.428)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		17.904	34.690
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán		(838)	18.317
Thu nhập khác		8.912	9.442
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		200.022	31.856
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(900.034)	(769.714)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	31	(51.090)	(79.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.118.970	674.850
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.501.575)	315.707
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/công nợ tài chính khác		(786)	12.484
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng và mua nợ		(6.175.550)	(3.083.258)
(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu đặc biệt		(206.795)	(172.880)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(133.630)	31.735
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		419.069	-
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		7.092.498	2.627.447
Tăng tiền gửi của khách hàng		7.595.934	4.469.938
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		1.780.000	-
Tăng/(Giảm) đối khác về công nợ hoạt động		164.617	(973.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.152.752	3.902.919

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(30.418)	(31.682)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		46	1.461
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		148	132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.224)	(30.089)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.122.528	3.872.830
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		16.101.418	12.228.588
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	33	26.223.946	16.101.418

Người lập



Hoàng Tố Tâm
Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Văn Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh Vượng và Phát Triển (trước đây là Ngân hàng Cổ phần Xăng dầu Petrolimex) (“Ngân hàng”), tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười, được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0045/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 11 năm 1993 với thời gian hoạt động là 20 năm. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2007, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm kể từ ngày 13 tháng 11 năm 1993 theo Quyết định số 3061/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy phép được điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 42/GP-NHNN được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2021. Ngày 19 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định số 2346/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung tên Ngân hàng tại Giấy phép thành lập và hoạt động, tên Ngân hàng đầy đủ bằng tiếng việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển. Tên viết tắt: PGBank.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài chính thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ trung gian môi giới và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cho phép.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 4.200.000 triệu đồng.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là (01) Hội sở chính, hai mươi ba (23) chi nhánh, sáu mươi tám (68) phòng giao dịch đang hoạt động ở các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.921 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.909 người).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh của Báo cáo tình hình tài chính và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trình bày tại Thuyết minh số 22.3.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quốc hội đã ban hành Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (“Luật Tổ chức tín dụng 2024”) quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng. Luật Tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, thay thế cho Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017, trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) đã ban hành Thông tư số 06/2024/TT-NHNN (“Thông tư 06”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN (“Thông tư 02”) ngày 23 tháng 4 năm 2023 của NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Theo đó, Thông tư 06 quy định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tư 06 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024.

Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, NHNN ban hành Thông tư số 21/2024/TT-NHNN (“Thông tư 21”) quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng của tổ chức tín dụng. Thông tư 21 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trong đó có quy định về phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các cam kết và tài sản có khi cấp tín dụng trong nghiệp vụ thư tín dụng, khi thực hiện hoạt động mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, ủy thác phát hành thư tín dụng theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích lập, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, NHNN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN (“Thông tư 31”) quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư 31 thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 (“Thông tư 11”) của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư 31 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP (“Nghị định 86”) quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. Nghị định 86 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Một số thay đổi chủ yếu của Thông tư 31 và Nghị định 86 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Ngân hàng trong năm bao gồm:

- Về phạm vi điều chỉnh trong việc phân loại tài sản có rủi ro tín dụng, Thông tư 31 bổ sung các khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng và loại bỏ các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Về phương pháp và nguyên tắc phân loại nợ, Thông tư 31 chỉnh sửa và bổ sung nguyên tắc phân loại đối với khoản ủy thác phát hành thư tín dụng; khoản nợ tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc bán cho tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ; số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác mua trái phiếu chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu theo quy định của pháp luật; khoản chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng; các khoản cho vay, tiền gửi của tổ chức tín dụng hỗ trợ tại tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt; cho vay, bảo lãnh, tiền gửi của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc và các tổ chức tín dụng khác tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc; khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- Đối với khoản nợ được miễn, giảm lãi theo quy định của NHNN về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 được phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư 31;

- Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm phải coi bằng 0 cho các trường hợp cụ thể được quy định tại Nghị định 86; và
- Các khoản nợ khác phát sinh giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam từ các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 86 không phải trích lập dự phòng chung.

Quyết định số 1510/QĐ-TTg và Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ngày 04 tháng 12 năm 2024

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1510/QĐ-TTg (“Quyết định 1510”) về việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3. Cùng ngày, NHNN đã ban hành Thông tư số 53/2024/TT-NHNN (“Thông tư 53”) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3. Quyết định 1510 và Thông tư 53 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Một số quy định chủ yếu của Quyết định 1510 và Thông tư 53 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Quy định điều kiện của các khoản nợ bao gồm số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đồng thời quy định về việc giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ sau khi thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ; và
- Quy định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo quy định tại Thông tư 53 được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 và không giới hạn về số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Ngân hàng đã áp dụng Luật Tổ chức tín dụng 2024, Nghị định 86, Quyết định 1510 và các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hướng dẫn mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2024/QH15 (“Luật số 56”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính. Luật số 56 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Ngân hàng đánh giá rằng việc áp dụng Luật số 56 này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên báo cáo tài chính của Ngân hàng trong tương lai.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Thuyết minh số 46). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối” trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31 và Nghị định 86. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại các TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài và cho vay các TCTD khác tương tự như đối với các khoản cho vay khách hàng.

Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục “Các khoản lãi, phí phải thu” hoặc “Các khoản lãi, phí phải trả” trên Báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn được đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng kỳ hạn được hạch toán vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của Ngân hàng đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi Ngân hàng chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), Ngân hàng tiến hành đưa ra ngoại bảng để theo dõi theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”).

Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng bao gồm khoản trả thay nghĩa vụ của khách hàng trong hoạt động bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ các trường hợp trả thay nghĩa vụ của khách hàng trong nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể

- từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng) và các khoản trả thay khác theo cam kết ngoại bảng;
- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
 - Ủy thác cấp tín dụng;
 - Tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
 - Mua, bán nợ theo quy định của NHNN trừ hoạt động mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;
 - Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
 - Mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành;
 - Nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày Ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng; và
 - Mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phát hành.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao nhất khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10 của Thông tư 31 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") của Ngân hàng Nhà nước cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

Ngân hàng thực hiện giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản vay theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 23 tháng 4 năm 2023 của NHNN và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 quy định về việc tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng dựa trên dư nợ tại thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Nghị định 86. Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Thông tư 02, Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng có dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 02) như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Nghị định 86, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Nghị định 86 và các khoản nợ khác phát sinh từ hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo quy định tại Nghị định 86, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Mua nợ

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua.

Trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua.

Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Trường hợp, số tiền mua nợ đã được thu hồi hết, số nợ gốc còn lại (phần chênh lệch còn lại giữa số nợ gốc của khoản nợ được mua với số tiền mua nợ) thu được được ghi nhận vào thu nhập.

Số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ ghi nhận vào thu nhập.

Trường hợp giá mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua

Số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền đã mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ đã mua tại thời điểm đó, số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ thực hiện xử lý theo quy định tại trường hợp trên.

Trường hợp nếu không thu hồi hết số tiền đã mua nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xử lý số tiền không thu hồi được theo quy định về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật có liên quan.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày ở Thuyết minh Dự phòng rủi ro tín dụng.

Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 của Thông tư 31 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") của Ngân hàng Nhà nước cung cấp tại thời điểm phân loại nợ. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn mà Ngân hàng nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và đồng thời Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua

được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định 86 được trích lập dự phòng theo Nghị định 86. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định 86 được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 ("Công văn 8499") và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 ("Công văn 925"). Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế (TCKT) trong nước phát hành được nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2016 và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19.

Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa (Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt chia kỳ hạn của trái phiếu đó nhân với số năm lũy kế kể từ thời điểm phát sinh) trừ (Tổng số tiền thu hồi nợ lũy kế của khoản nợ xấu tính đến thời điểm trích lập và số tiền dự phòng cụ thể lũy kế đã trích lập tính đến thời điểm trích lập liền trước của trái phiếu đó). Hàng năm, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập đầy đủ số dự phòng cụ thể nói trên và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này.

Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Phân loại lại

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn dài hạn vào các đơn vị khác và Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu doanh nghiệp mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên Báo cáo kết quả hoạt động. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch). Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết sẽ mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản mục "Cho vay khách hàng" trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết sẽ bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Các khoản ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết. Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tại thời điểm nhận tài sản thuê, Ngân hàng ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản cố định thuê tài chính và nợ phải trả về thuê tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính (số tiền lãi thuê tài chính) và khoản phải trả nợ gốc từng kỳ sao cho số tiền thanh toán mỗi kỳ bằng nhau.

Ngân hàng tính, trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính vào chi phí khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Ngân hàng. Nếu không chắc chắn là Ngân hàng sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Giá trị tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục chi phí hoạt động khác trong suốt thời hạn thuê tài sản.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5
Phần mềm máy tính	1 - 5
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 4

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không phải trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Ngân hàng có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng khác được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại vào vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định.

Doanh thu và chi phí

Thu nhập và chi phí lãi

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31, lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 02, Thông tư 06 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu lãi và chi phí lãi của các khoản chứng khoán đầu tư được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các khoản lãi dự thu phát sinh từ các khoản chứng khoán đầu tư bị quá hạn sẽ không được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm và các khoản dự thu này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng thực nhận.

Thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh

Các khoản thu nhập từ phí bảo lãnh được hạch toán trên cơ sở dự thu, phân bổ.

Ghi nhận cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức nhận được bằng tiền và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư và góp vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia của Ngân hàng được xác định. Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần thì không ghi tăng giá trị cổ phiếu được nhận và không ghi nhận là thu nhập hoạt động tài chính trong báo cáo tài chính mà chỉ theo dõi số cổ phiếu tăng thêm theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương vị trí công việc hàng tháng cho thời gian làm việc tại Ngân hàng của người lao động. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng Quỹ phúc lợi để chi trả trợ cấp nghỉ hưu một lần cho nhân viên theo quy định riêng của Ngân hàng.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc không gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Trợ cấp mất việc

Theo Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế, sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Mỗi năm làm việc được trả 01 tháng lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc làm. Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm không gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 (“Thông tư 15”) của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 (“Thông tư 28”) hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm năm 2013 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên Báo cáo tình hình tài chính chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	205.721	219.792
Tiền mặt bằng ngoại tệ	18.803	9.551
	224.524	229.343

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ("NHNN")

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNN bằng VND	2.193.739	1.597.364
Tiền gửi tại NHNN bằng ngoại tệ	3.718	4.354
	2.197.457	1.601.718

Tiền gửi tại NHNN gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước của khách hàng nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm và đầu năm:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng USD có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng USD có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%

Lãi suất tại các thời điểm cuối năm và đầu năm:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng VND trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,5%	0,5%
Tiền gửi bằng VND ngoài hạn mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD ngoài hạn mức dự trữ bắt buộc	0%	0%

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác	23.801.965	14.270.357
Tiền gửi không kỳ hạn	5.064.162	3.070.357
- Bằng VND	4.618.198	2.656.897
- Bằng ngoại tệ	445.964	413.460
Tiền gửi có kỳ hạn	18.737.803	11.200.000
- Bằng VND	17.950.000	11.200.000
- Bằng ngoại tệ	787.803	-
	23.801.965	14.270.357

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi tại các TCTD khác (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của NHNN theo Thông tư 31) và cho vay các TCTD khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	18.737.803	11.249.590
	18.737.803	11.249.590

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(CÔNG NỢ) TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/(Nợ phải trả)	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/(Nợ phải trả)
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	2.465.967	1.948	1.489.277	1.161
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	202.318	422	969.394	3.083
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.263.649	1.526	519.883	(1.922)
	2.465.967	1.948	1.489.277	1.161

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	41.235.326	35.333.856
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.156	1.156
	41.236.482	35.335.012

Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	39.555.514	95,92	33.502.959	94,82
Nợ cần chú ý	620.051	1,50	823.779	2,33
Nợ dưới tiêu chuẩn	182.232	0,44	221.231	0,63
Nợ nghi ngờ	259.971	0,63	293.570	0,83
Nợ có khả năng mất vốn	618.714	1,51	493.473	1,39
	41.236.482	100,00	35.335.012	100,00

Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản vay:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn (Dưới 1 năm)	23.240.985	19.125.612
Nợ trung hạn (Từ 1 tới 5 năm)	5.152.172	4.215.036
Nợ dài hạn (Trên 5 năm)	12.843.325	11.994.364
	41.236.482	35.335.012

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ cho vay:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay bằng VND	40.855.919	34.690.606
Cho vay bằng ngoại tệ	380.563	644.406
	41.236.482	35.335.012

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Nhà nước	50.451	0,12	210.845	0,60
Công ty TNHH trên một thành viên với vốn Nhà nước trên 50%	550.197	1,33	177.610	0,50
Công ty TNHH khác	5.568.491	13,50	4.767.269	13,49
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	106.523	0,26	104.923	0,30
Doanh nghiệp tư nhân	11.225	0,03	8.422	0,02
Công ty cổ phần khác	17.126.019	41,53	14.843.674	42,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	220.931	0,54	600.896	1,70
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	41.889	0,10	5.627	0,02
Hộ kinh doanh, cá nhân	17.307.958	41,97	14.560.599	41,21
Thành phần kinh tế khác	252.798	0,62	55.147	0,15
	41.236.482	100,00	35.335.012	100,00

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	3.022.579	7,33	2.239.021	6,34
Khai khoáng	233.233	0,57	142.060	0,40
Công nghiệp chế biến, chế tạo	754.812	1,83	604.795	1,71
SX&PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	314.404	0,76	197.157	0,56
Xây dựng	4.609.840	11,18	3.955.534	11,19
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.633.276	8,81	3.905.185	11,05
Dịch vụ lưu trú & ăn uống	754.679	1,83	905.616	2,56
Vận tải, kho bãi	1.005.695	2,44	988.639	2,80
Hoạt động tài chính, bảo hiểm	5.884.266	14,27	4.065.154	11,50
Hoạt động chuyên môn, khoa học & công nghệ	135.405	0,33	63.207	0,18
Hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ	40.262	0,10	23.986	0,07
Giáo dục và đào tạo	130.484	0,32	64.235	0,18
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	231.377	0,56	195.796	0,55
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	83.666	0,20	57.523	0,16
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.529.288	8,56	2.099.411	5,94
Cung cấp nước, QL&XL rác thải, nước thải	24.030	0,06	28.590	0,08
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	2.451.302	5,94	338.534	0,96
Thông tin & truyền thông	61.010	0,15	37.899	0,11
Hoạt động dịch vụ khác	14.336.874	34,76	15.384.250	43,54
Ngành hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc tế	-	0,00	31.324	0,09
Ngành hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	0,00	7.096	0,03
	41.236.482	100,00	35.335.012	100,00

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	90.440	261.311	351.751
Số trích lập dự phòng trong năm	187.506	40.210	227.716
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLR") trong năm	(154.487)	-	(154.487)
Số dư cuối năm	123.459	301.521	424.980

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	69.215	213.660	282.875
Số trích lập dự phòng trong năm	99.330	47.651	146.981
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") trong năm	(78.105)	-	(78.105)
Số dư cuối năm	90.440	261.311	351.751

11. MUA NỢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Mua nợ bằng VND	297.000	22.920
Dự phòng rủi ro	(2.228)	(172)
	294.772	22.748

Giá trị các khoản nợ gốc đã mua

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc đã mua	297.000	22.920
	297.000	22.920

Phân tích chất lượng nợ mua

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	297.000	22.920
	297.000	22.920

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	1.711.676	2.225.648
Chứng khoán Chính phủ	1.711.676	1.725.646
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	-	500.002
Chứng khoán Vốn	225.338	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	225.338	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(57.337)	(3.750)
Dự phòng giảm giá	(57.337)	-
Dự phòng chung	-	(3.750)
	1.879.677	2.221.898

12.2 Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	1.600.000	-
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.600.000	-
	1.600.000	-

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành theo quy định tại Thông tư 31:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.600.000	-
	1.600.000	-

12.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	1.139.483	949.273
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(368.263)	(238.361)
	771.220	710.912

12.4 Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (không bao gồm trái phiếu đặc biệt)

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	-	3.750	3.750
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	57.337	(3.750)	53.587
Số dư cuối năm	57.337	-	57.337

12.5 Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	238.361	222.893
Trích trong năm	182.210	110.243
Sử dụng dự phòng tất toán trái phiếu trong năm	(52.308)	(94.775)
Số dư cuối năm	368.263	238.361

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	529	529
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(41)	(41)
	488	488

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Liên doanh Hóa chất PTN	488	5,10	488	5,10
Công ty Cổ phần Công nghệ mới	41	0,07	41	0,07
Kim Tự Tháp Việt Nam				
	529		529	

14.2 Tài sản vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy tính Triệu VND	TSCĐ vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	30.917	90.913	72	121.902
Mua trong năm	-	9.868	-	9.868
Giảm khác	-	(4.330)	-	(4.330)
Số dư cuối năm	30.917	96.451	72	127.440
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.416	60.547	72	68.035
Khấu hao trong năm	1.483	10.098	-	11.581
Giảm khác	-	(144)	-	(144)
Số dư cuối năm	8.899	70.501	72	79.472
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	23.501	30.366	-	53.867
Số dư cuối năm	22.018	25.950	-	47.968

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 49.797 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49.247 triệu VND).

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Các khoản phải thu	643.257	528.992
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	24.756	760
- Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 15.1)	618.501	528.232
Các khoản lãi và phí phải thu	468.766	569.031
Tài sản Có khác	129.801	112.325
- Chi phí chờ phân bổ	52.377	35.414
- Tài sản gán nợ chờ xử lý	71.539	71.575
- Tài sản Có khác	5.336	5.336
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(58.481)	(38.481)
	1.183.343	1.171.867

15.1 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	21.501	13.007
Các khoản phải thu bên ngoài	597.000	515.225
Trong đó:		
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	139.810	138.480
Phải thu từ dịch vụ thanh toán	164.151	99.224
Đặt cọc thuê nhà văn phòng và sử dụng dịch vụ văn phòng	20.320	9.839
Chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ	18.074	16.978
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến An	225.053	225.053
Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán	3.191	6.167
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	2.042	1.290
Các khoản phải thu khác	24.359	18.194
	618.501	528.232

15.2 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Số đầu năm	38.481	37.669
Trích lập trong năm	20.000	812
Số cuối năm	58.481	38.481

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CHÍNH PHỦ, NHNN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Vay NHNN	419.069	-
	419.069	-

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	4.760.560	2.749.632
- Bằng VND	4.506.430	2.506.932
- Bằng ngoại tệ	254.130	242.700
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	15.900.000	10.818.430
- Bằng VND	15.900.000	10.600.000
- Bằng ngoại tệ	-	218.430
	20.660.560	13.568.062

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	6.113.271	5.913.319
- Bằng VND	6.038.952	5.784.761
- Bằng ngoại tệ	74.319	128.558
Tiền gửi có kỳ hạn	36.989.144	29.585.979
- Bằng VND	36.889.682	29.484.729
- Bằng ngoại tệ	99.462	101.250
Tiền gửi ký quỹ	223.299	230.480
- Bằng VND	223.292	230.474
- Bằng ngoại tệ	7	6
Tiền gửi vốn chuyên dụng	31	33
- Bằng VND	1	4
- Bằng ngoại tệ	30	29
	43.325.745	35.729.811

Phân loại khách hàng theo loại hình tổ chức:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tổ chức kinh tế	13.256.184	9.626.429
Cá nhân	30.069.561	26.103.382
	43.325.745	35.729.811

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 1 năm	1.000.000	-
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	280.000	-
Trái phiếu		
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	1.000.000	500.000
	2.280.000	500.000

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	68.700	41.070
Các khoản phải trả bên ngoài (Thuyết minh số 20.1)	266.323	49.338
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.449	32.785
	372.472	123.193

20.1 Các khoản phải trả bên ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản treo chờ chuyển tiền	211.152	28.910
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	54.613	19.813
Phải trả về xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản	225	282
Phải trả khác	333	333
	266.323	49.338

21. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
	Triệu VND	Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Triệu VND
Thuế GTGT	1.070	10.299	(9.972)	1.397
Thuế TNDN	15.633	85.666	(51.090)	50.209
Các loại thuế khác	3.110	35.858	(35.961)	3.007
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	91	(91)	-
	19.813	131.914	(97.114)	54.613

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ

22.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	3.000.000	650	250.021	127.601	1.485.552	4.863.824
Tăng vốn trong kỳ (i)	1.200.000	-	-	(100.000)	(1.100.000)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	339.803	339.803
Trích các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2024 (ii)	-	-	27.989	13.995	(41.984)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(37.500)	(37.500)
Khác	-	-	-	-	(77)	(77)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.200.000	650	278.010	41.596	645.794	5.166.050

(i) Theo Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4 để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền 1.200.000.000 VND. Nguồn vốn thực hiện là từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán với phương án sử dụng vốn được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc trích lập Quỹ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính theo tỷ lệ lần lượt là 5% và 10% lợi nhuận sau thuế năm 2023 và Quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng với 1 tháng thu nhập bình quân năm 2023 từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023.

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	3.000.000	650	209.652	107.417	1.266.809	4.584.528
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	279.895	279.895
Trích các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2022	-	-	40.369	20.184	(60.553)	-
Khác	-	-	-	-	(599)	(599)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.000.000	650	250.021	127.601	1.485.552	4.863.824

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Vốn cổ phần	Tỷ lệ	Tổng số	Vốn cổ phần	Tỷ lệ
		phổ thông	sở hữu		phổ thông	sở hữu
	Triệu VND	Triệu VND	%	Triệu VND	Triệu VND	%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Phát triển thương mại Gia Linh	550.144	550.144	13,099%	392.960	392.960	13,099%
Công ty Cổ phần Quốc tế Cường Phát	568.735	568.735	13,541%	406.240	406.240	13,541%
Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Anh Đức	561.109	561.109	13,359%	400.792	400.792	13,359%
Cổ đông khác	2.520.012	2.520.012	60,001%	1.800.008	1.800.008	60,001%
	4.200.000	4.200.000	100,000%	3.000.000	3.000.000	100,000%

22.3 Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (*)	420.000.000	420.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	420.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	420.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.000.000	420.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	420.000.000	420.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Theo Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

23. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	264.939	162.666
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	3.002.472	2.997.805
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	101.416	116.739
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	101.416	116.739
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	41.282	31.794
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	485	88.561
Thu khác từ hoạt động tín dụng	86.216	58.303
	3.496.810	3.455.868

24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	1.771.683	2.078.126
Trả lãi tiền vay	4.341	34.712
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	32.927	24.971
Chi phí hoạt động tín dụng khác	29.021	16.705
	1.837.972	2.154.514

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	100.087	99.301
Hoạt động thanh toán	28.185	27.767
Hoạt động ngân quỹ	28.678	29.152
Dịch vụ khác	43.224	42.382
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(82.183)	(64.611)
Hoạt động thanh toán	(5.959)	(5.036)
Hoạt động ngân quỹ	(11.968)	(10.870)
Dịch vụ tư vấn	(292)	(199)
Dịch vụ khác	(63.964)	(48.506)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	17.904	34.690

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG VÀ NGOẠI HỐI

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	56.633	105.808
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	15.663	24.053
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	40.970	81.755
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(56.382)	(86.357)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(8)	(9)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(56.374)	(86.348)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	251	19.451

27. (LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	-	46
Chi phí về mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(1.089)	(1.179)
(Trích lập) dự phòng chứng khoán đầu tư	(53.588)	(2.321)
	(54.677)	(3.454)

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	209.949	43.472
Thu nhập từ nợ xấu đã được xử lý	200.022	31.856
Thu nhập về các công cụ tài chính phái sinh khác	992	2.481
Thu khác	8.935	9.135
Chi phí hoạt động khác	(1.016)	(2.175)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(628)	(1.559)
Chi hỗ trợ công tác xã hội	(158)	(280)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(230)	(336)
Lãi thuần từ hoạt động khác	208.933	41.297

29. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ tức nhận được; lãi được chia trong năm từ góp vốn, mua cổ phần:	148	132
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	148	132
	148	132

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	14.782	13.531
2. Chi phí cho nhân viên	589.146	482.687
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	540.404	433.154
- Các khoản chi đóng góp theo lương	41.728	36.437
- Chi trợ cấp	709	4.085
- Chi khác cho nhân viên	6.305	9.011
3. Chi về tài sản	166.459	145.252
Trong đó: khấu hao tài sản cố định	46.312	40.682
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ	162.741	130.786
Trong đó:		
- Công tác phí	7.165	7.426
- Chi hoạt động đoàn thể của TCTD	3.363	2.796
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	40.839	35.912
6. Chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	-	41
	973.967	808.209

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	425.448	351.232
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	-	(20)
Thu về cổ tức, lợi nhuận được chia và góp vốn	(148)	(112)
Cộng:		
Chi phí khác không được khấu trừ thuế	2.926	5.584
Thu nhập chịu thuế TNDN	428.226	356.684
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất	85.645	71.337
Điều chỉnh khác	-	-
Thuế TNDN trong năm	85.645	71.337
Thuế TNDN phải trả đầu năm	15.633	22.855
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(51.090)	(79.158)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp sau quyết toán	21	-
Khác	-	599
Thuế TNDN phải trả thuần cuối năm	50.209	15.633

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế (triệu VND)	339.803	279.895
Trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu) (*)	-	(37.500)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu VND)	339.803	242.395
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản (cổ phiếu) (**)	420.000.000	420.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	809	577

(**) Số liệu bao gồm 120 triệu cổ phiếu được phát hành theo thông báo số 48/2024/TB-PGB ngày 31 tháng 1 năm 2024 nhằm mục đích tăng vốn từ nguồn vốn Chủ sở hữu, theo đó nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ngân hàng chưa thực hiện ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa trên ước tính chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ được phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2025 và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	224.524	229.343
Tiền gửi tại NHNN	2.197.457	1.601.718
Tiền gửi tại các TCTD khác	23.801.965	14.270.357
- Không kỳ hạn	5.064.162	3.070.357
- Có kỳ hạn không quá 3 tháng	18.737.803	11.200.000
	26.223.946	16.101.418

34. TÌNH HÌNH THU NHẬP CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên tại cuối năm (người)	1.921	1.909
Số lượng nhân viên trung bình trong năm (người)	1.867	1.737
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)		
1. Tổng quỹ lương	473.364	385.281
2. Thu nhập khác	94.709	64.885
3. Tổng thu nhập (1+2)	568.073	450.166
4. Tiền lương bình quân tháng (triệu VND/ người/ tháng)	21,13	18,48
5. Thu nhập bình quân tháng	25,36	21,60

35. NGHĨA VỤ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	40.712	12.976
Cam kết giao dịch hối đoái	2.538.759	572.772
Cam kết mua ngoại tệ	149.937	14.562
Cam kết bán ngoại tệ	127.065	36.405
Cam kết giao dịch hoán đổi	2.261.757	521.805
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	564.728	480.507
Bảo lãnh khác	4.902.944	4.103.025
Các cam kết khác	771.562	795.247
Nợ khó đòi đã xử lý	2.865.745	2.843.727
Tài sản và chứng từ khác	2.830.884	2.358.508

36. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	683.839	652.104
	683.839	652.104

37. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.904.968	1.907.470
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	960.777	936.257
	2.865.745	2.843.727

38. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản khác giữ hộ	2.830.884	2.358.508
	2.830.884	2.358.508

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Số dư	Phải thu Triệu VND	(Phải trả) Triệu VND
Thành viên	- Tiền gửi không kỳ hạn	-	12.953
HĐQT/BKS/Ban	- Tiền gửi có kỳ hạn	-	119.112
TGD và người liên	- Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	-	2.111
quan	- Cho vay khách hàng	10.099	-
	- Lãi phải thu cho vay	24	-

Giao dịch với bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Triệu VND
Các cổ đông lớn	- Thu dịch vụ	4
Thành viên HĐQT/BKS/Ban TGD và các bên liên quan	- Mua ngoại tệ	67.575
	- Doanh thu lãi cho vay	34.566
	- Chi phí lãi tiền gửi	3.815
	- Thu dịch vụ	8
	- Chi khác	505

Chi tiết thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Hội đồng Quản trị				
Ông Phạm Mạnh Thắng	Chủ tịch HĐQT		5.256	1.030
Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch HĐQT	Đương nhiên mất tư cách ngày 04 tháng 5 năm 2023	-	1.570
Ông Đào Phong Trúc Đại	Phó Chủ tịch HĐQT		448	70
Ông Đào Quốc Tính	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2024	169	-
Bà Cao Thị Thúy Nga	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2024	169	-
Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên HĐQT		1.120	410
Ông Vương Phúc Chính	Thành viên HĐQT		1.909	67
Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024	110	67
Ông Nguyễn Phi Hùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	1.237
ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	354
Ông Nilesch Banglorewala	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	354
Ông Oliver Schwarzhaupt	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	653
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	916
Ban Kiểm soát			3.595	4.024

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B05/TCTD

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng				
Ông Nguyễn Văn Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2024	1.439	-
Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024	1.339	1.308
Ông Nguyễn Phi Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2023	-	1.891
Ông Phạm Mạnh Thắng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	1.437
Ông Trần Văn Luân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2024	1.654	-
Ông Lê Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024	1.624	-
Ông Nguyễn Trọng Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024	1.624	-
Ông Đinh Thành Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2024	772	1.936
Ông Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2024	720	2.423
Ông Hoàng Xuân Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2024	68	2.289
Ông Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2023	-	1.952
Ông Đỗ Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023	-	1.426
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng		1.548	1.348

40. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

	Tổng dư nợ cho vay và mua nợ	Tổng tiền gửi tại NHNN và các TCTD khác	Tổng tiền gửi, vay nhận từ các TCTD khác và GTCG phát hành cho các TCTD khác	Tổng tiền gửi nhận từ khách hàng	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	41.533.482	25.960.793	22.940.560	43.325.745	6.279.946	1.948	4.676.497
Nước ngoài	-	38.629	-	-	-	-	-

41. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng thường gặp phải là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Chính sách quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng theo từng lĩnh vực quản lý. Toàn bộ các ban thuộc Hội đồng Quản trị đều có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách và định kỳ báo cáo lên Hội đồng Quản trị về các hoạt động của mình.

Chính sách rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng thực hiện các cuộc soát xét định kỳ và đột xuất đối với các hệ thống và thủ tục kiểm soát quản lý rủi ro và báo cáo kết quả soát xét lên Hội đồng Quản trị.

Cùng với việc thiết lập các bộ phận và chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính, Ngân hàng cũng thực hiện phối hợp với các đối tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông hỗ trợ công tác quản lý rủi ro bằng việc xây dựng hệ thống tích hợp các công cụ quản lý rủi ro nhằm bảo vệ khách hàng, nhà cung cấp và tăng cường sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Các chính sách rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng được phân tích chi tiết tại các Thuyết minh 42, 43, 44 và 45.

42. RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà tài sản của Ngân hàng hoặc giá trị của khoản đầu tư bị ảnh hưởng do những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Tài sản của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng ngoại tệ khác. Ngân hàng đã xác lập hệ thống hạn mức để quản lý rủi ro ngoại hối phát sinh từ các trạng thái ngoại tệ đang được nắm giữ. Các trạng thái ngoại tệ được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo các chỉ tiêu quản lý rủi ro được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	EUR quy đổi		USD quy đổi		Các ngoại tệ khác quy đổi		Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3.956		14.847		-		18.803
Tiền gửi tại NHNN	-		3.718		-		3.718
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	11.762		1.206.932		15.073		1.233.767
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác			101.652		-		101.652
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	-		380.563		-		380.563
Các tài sản Có khác (*)	-		160.060		3		160.063
Tổng tài sản	15.718		1.867.772		15.076		1.898.566
	-						
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-		254.130		419.069		673.199
Tiền gửi của khách hàng	13.176		155.764		4.878		173.818
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-		1.601.019		-		1.601.019
Các khoản nợ khác	1		66		111		178
Tổng nợ phải trả	13.177		2.010.979		424.058		2.448.214
Trạng thái tiền tệ nội bảng	2.541		(143.207)		(408.982)		(549.648)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-		22.872		-		22.872
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	2.541		(120.335)		(408.982)		(526.776)

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.



43. RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà Ngân hàng phải gánh chịu khi có sự biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. Kỳ hạn định giá lại là kỳ hạn còn lại tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính đến kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích kỳ hạn định giá lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn; tài sản cố định; tài sản Có khác và các khoản nợ khác được xếp loại khoản mục không chịu rủi ro lãi suất;
- ▶ Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp vào kỳ hạn không chịu rủi ro lãi suất đối với phần ngoài dự trữ bắt buộc VND và trong dự trữ bắt buộc USD (theo thông báo về dự trữ bắt buộc trong kỳ của Sở giao dịch NHNN); xếp vào kỳ hạn đến một tháng đối với phần số dư còn lại;
- ▶ Chứng khoán kinh doanh: Kỳ định lại lãi suất được xác định dựa trên thông tin về thời gian đáo hạn thực tế hoặc kỳ hạn nắm giữ còn lại theo quy định hoặc kỳ định lại lãi suất gần nhất (đối với chứng khoán kinh doanh có lãi suất thả nổi) tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- ▶ Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; chứng khoán đầu tư; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá: Kỳ định lại lãi suất được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế hoặc kỳ định lại lãi suất gần nhất (đối với các khoản mục có lãi suất thả nổi) tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, tùy theo thời điểm nào đến trước.



Bảng sau trình bày rủi ro lãi suất của ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Không chịu rủi ro	Kỳ thay đổi lãi suất							Tổng
		Từ trên 6 tháng đến 12 tháng		Từ trên 1 năm đến 5 năm		Trên 5 năm			
	Quá hạn	lãi suất do định giá lại	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	224.524	-	-	-	-	-	-	224.524
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	-	-	-	-	2.197.457
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	2.900.000	-	-	-	-	-	23.801.965
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	1.948
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	1.363.569	-	14.869.062	6.485.989	7.705.118	2.191.054	163.501	41.533.482	
Chứng khoán đầu tư (*)	-	1.363.497	300.000	450.000	1.200.000	350.000	713.000	4.676.497	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	529	-	-	-	-	-	-	529
Tài sản cố định	-	248.219	-	-	-	-	-	-	248.219
Tài sản Có khác (*)	-	1.241.824	-	-	-	-	-	-	1.241.824
Tổng tài sản	1.363.569	3.078.593	18.069.062	6.935.989	8.905.118	2.541.054	876.501	73.926.445	
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	-	-	-	-	-	-	-	-	419.069
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	2.900.000	-	-	-	-	-	20.660.560
Tiền gửi của khách hàng	-	-	9.477.953	9.488.714	6.437.257	2.506.530	-	43.325.745	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.000.000	1.280.000	-	2.280.000	
Các khoản nợ khác	-	1.163.691	-	-	-	-	-	-	1.163.691
Tổng nợ phải trả	-	1.163.691	12.377.953	9.488.714	7.437.257	3.786.530	-	67.849.065	
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	1.363.569	1.914.202	(1.438.361)	(2.552.725)	1.467.861	(1.245.476)	876.501	6.077.380	
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.363.569	1.914.202	(1.438.361)	(2.552.725)	1.467.861	(1.245.476)	876.501	6.077.380	

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.



44. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do: (i) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính; hoặc (ii) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường để thực hiện nghĩa vụ đó. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng duy trì cơ cấu tài sản nợ và tài sản có phù hợp, đồng thời tăng cường khả năng huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Ngân hàng có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản cao, linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản thanh khoản hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc) được xếp vào loại tiền gửi thanh toán và phân vào dải đến 1 tháng;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh dựa trên thời gian đáo hạn thực tế hoặc thời gian nắm giữ còn lại được phép tùy theo thời điểm nào đến trước;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán nợ đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán nợ;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó, được phân vào dải kỳ hạn ngắn nhất là đến 1 tháng. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu hoặc các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thể rút trước hạn (không thực hiện đúng đến ngày đáo hạn ghi trên hợp đồng);
- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản cố định được phân bổ vào dải kỳ hạn từ 05 năm trở lên.

31
ÔN
T
Ề
M
L
Ê
T
Đ

Bảng sau trình bày rủi ro thanh khoản của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản								Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	224.524	-	-	-	-	224.524
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.197.457	-	-	-	-	2.197.457
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	20.901.965	2.900.000	-	-	-	23.801.965
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	1.948	-	-	-	-	1.948
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	938.951	424.618	3.875.436	8.510.087	13.479.188	7.561.716	6.743.487	41.533.482
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	300.371	299.978	1.650.034	1.721.534	704.579	4.676.497
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	529	529
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	248.219	248.219
Tài sản Có khác (*)	225.053	-	143.733	38.263	5.508	698.712	130.554	1.241.824
Tổng tài sản	1.164.004	424.618	27.645.434	11.748.328	15.134.730	9.981.962	7.827.368	73.926.445
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	-	-	419.069	-	-	-	-	419.069
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	17.760.560	2.900.000	-	-	-	20.660.560
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.415.291	9.477.953	15.925.971	2.506.530	-	43.325.745
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.000.000	1.280.000	-	2.280.000
Các khoản nợ khác	-	-	556.649	223.405	338.758	44.579	-	1.163.691
Tổng nợ phải trả	-	-	34.151.869	12.601.358	17.265.729	3.831.109	-	67.849.065
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.164.004	424.618	(6.506.135)	(853.030)	(2.129.999)	6.150.854	7.827.368	6.077.380

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

45. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình theo cam kết. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập giới hạn tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng, đối với mỗi lĩnh vực ngành nghề cũng như thiết lập giới hạn tín dụng trung, dài hạn phù hợp với cơ cấu huy động vốn.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua xây dựng mức thẩm quyền phán quyết của từng chi nhánh trên cơ sở hiệu quả, chất lượng tín dụng thực tế của từng chi nhánh và đánh giá năng lực quản lý của từng chi nhánh, đánh giá tiềm năng của từng vùng.

Ngân hàng xây dựng chính sách khách hàng để sàng lọc, lựa chọn khách hàng, có chính sách ứng xử phù hợp, thống nhất đối với từng khách hàng. Ngân hàng xây dựng danh mục sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời xây dựng quy trình thẩm định, xét duyệt tín dụng tại chi nhánh và Hội sở chính nhằm thực hiện nhất quán trên toàn hệ thống, hạn chế các rủi ro tác nghiệp. Đồng thời, để tăng cường các biện pháp bảo đảm tiền vay, hạn chế rủi ro tác nghiệp, Ngân hàng đã ban hành các quy định hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện bảo đảm tiền vay.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá của Ngân hàng bao gồm các khoản cho vay bị quá hạn nhưng số dư dự phòng cụ thể cần trích lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính là bằng không.

Tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày	Từ 91 tới 180 ngày	Từ 181 tới 360 ngày	Trên 360 ngày
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay khách hàng	110.021	21.264	39.850	468.314

46. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

Loại tiền tệ	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2023
USD	25.413	24.270
EUR	26.582	26.836
GBP	32.038	30.891
CHF	28.192	28.794
JPY	162,97	171,41
SGD	18.786	18.381
CAD	17.789	18.329
AUD	15.902	16.581

47. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Vào ngày 05 tháng 3 năm 2025, Ngân hàng công bố thông tin bất thường theo Công văn số 224/2025/CV-PBG về việc thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng chào bán là 80.000.000 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu theo phương thức phân phối phát hành quyền mua cổ phần cho các cổ đông hiện hữu.

Người lập



Hoàng Tố Tâm
Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Nguyễn Văn Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

